

**BÁO CÁO**

**Thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện Quyết định số 788/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định), ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã họp do Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định Đặng Quốc Khánh - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì (theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng thẩm định tại Công văn số 7287/VPCP-NN ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia).

Tổng số thành viên tham dự phiên họp Hội đồng thẩm định là 30/31 thành viên (Chủ tịch Hội đồng thẩm định vắng mặt có lý do), đạt trên 3/4 số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp, trong đó có Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã được ủy quyền và 4/4 ủy viên phản biện, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng dự họp.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các ủy viên phản biện và ủy viên Hội đồng, Hội đồng thẩm định đánh giá về hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Quy hoạch không gian biển quốc gia) do Bộ Tài nguyên và Môi trường trình theo quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch, nội dung cụ thể như sau:

**I. TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ**

**1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch đầy đủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch, gồm:**

a) Văn bản số 508/BTNMT-BHĐVN-m ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia gửi Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

b) Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia.

c) Báo cáo tóm tắt Quy hoạch không gian biển quốc gia.

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân về Quy hoạch không gian biển quốc gia; bản sao ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương liên quan; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

đ) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của chuyên gia, Ủy viên phản biện, Ủy viên Hội đồng thẩm định; bản sao ý kiến góp ý của chuyên gia, Ủy viên phản biện, Ủy viên Hội đồng thẩm định.

e) Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch không gian biển quốc gia.

g) Dự thảo Tờ trình gửi Chính phủ về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

h) Dự thảo Tờ trình của Chính phủ gửi Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

i) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia.

k) Hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch không gian biển quốc gia tỷ lệ (bao gồm 10 bộ bản đồ tỷ lệ 1:1.000.000).

Hội đồng thẩm định đánh giá: Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia đã đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

## **2. Cung cấp hồ sơ và tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định**

Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định) đã gửi hồ sơ trình thẩm định đến các thành viên Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg để nghiên cứu tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch không gian biển quốc gia gồm 04 chuyên gia phản biện với tư cách là ủy viên Hội đồng và 27 thành viên Hội đồng đại diện các bộ và cơ quan ngang bộ, các địa phương gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y tế; Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Kiên Giang.

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đã tổng hợp ý kiến thẩm định của các chuyên gia, ủy viên Hội đồng thẩm định đối với Quy hoạch không gian biển quốc gia; đồng thời phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị các nội dung và báo cáo tại phiên họp của Hội đồng thẩm định.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

### **1. Về thẩm quyền thẩm định**

Hội đồng thẩm định đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 788/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2023 và Văn bản số 7387/VPCP-NN ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia.

### **2. Đánh giá của Hội đồng thẩm định**

Căn cứ Điều 32 Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Hội đồng thẩm định đã tiến hành thẩm định nội dung của Quy hoạch không gian biển quốc gia với các vấn đề sau đây:

#### *a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt*

Đánh giá sự phù hợp của nội dung quy hoạch với Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

- Tên của quy hoạch là Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tên của quy hoạch được nêu tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

- Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đối chiếu với Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Cơ quan lập quy hoạch điều chỉnh trong Hồ sơ trình đến năm 2050 để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực hiện theo chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

- Phạm vi quy hoạch: Quy hoạch không gian biển quốc gia có phạm vi

bao gồm vùng đất ven biển, các đảo, các quần đảo, vùng biển, vùng trời<sup>1</sup>, cụ thể: Vùng đất ven biển là các đơn vị hành chính cấp huyện có biển thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển<sup>2</sup>. Các đảo, các quần đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, bao gồm quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Vùng biển bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982<sup>3</sup>. Vùng trời trên vùng đất ven biển, các đảo, các quần đảo và vùng biển theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

*b) Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quy hoạch*

Quy hoạch không gian biển quốc gia được xây dựng đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch gồm:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Nhiệm vụ lập quy hoạch trình Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020. Ban hành Công văn số 968/BTNMT-TCBHVN ngày 03 tháng 3 năm 2021 gửi 12 Bộ về việc lập các hợp phần quy hoạch tích hợp vào Quy hoạch không gian biển quốc gia (gồm Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Tài chính; Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông Vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế).

- Tổ chức lập quy hoạch: Đã tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo đúng quy định.

- Hồ sơ xây dựng quy hoạch đã được Cơ quan lập quy hoạch gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, cụ thể:

- + Công văn số 203/BTNMT-TCBHVN ngày 10 tháng 6 năm 2022 gửi Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và 05 Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Công an, Công Thương, Nông nghiệp, Phát triển và Nông thôn để xin ý kiến về phạm vi lập quy hoạch.

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 81/2023/QH15.

<sup>2</sup> Điểm c Điều 1 Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24/7/2020.

<sup>3</sup> Điều 3 Luật Biển Việt Nam năm 2012

+ Công văn số 3259/BTNMT-TCBHĐVN ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc lấy ý kiến góp ý về dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia gửi các bộ, ngành, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển; văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương có liên quan để điều tra, khảo sát hiện trạng và nhu cầu sử dụng không gian biển, bổ sung thông tin, dữ liệu để lập Quy hoạch không gian biển quốc gia, bao gồm: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ và Ủy ban nhân dân 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

+ Đăng tải công khai Báo cáo tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Tổ chuyên gia đa ngành để tham mưu về nội dung chuyên môn trong quá trình lập Quy hoạch; tổ chức các cuộc hội thảo tham vấn tại một số địa phương, các buổi làm việc, tọa đàm với các bộ, ngành, các tổ chức quốc tế và các chuyên gia; phối hợp cập nhật và xử lý tích hợp thông tin, dữ liệu phục vụ việc lập Quy hoạch không gian biển quốc gia.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, ngành, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, bổ sung, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn chỉnh Hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia trình Chính phủ (Tờ trình số 325/TTr-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2022) và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề nghị họp Hội đồng thẩm định ngày 08 tháng 9 năm 2023.

*c) Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện*

Quy hoạch không gian biển quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố hợp lý không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

Quy hoạch không gian biển quốc gia là quy hoạch đa ngành, được lập trên cơ sở tích hợp các quy hoạch có liên quan đến kết cấu hạ tầng, khai thác, sử

dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trên các vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, nhưng có sự điều chỉnh, xử lý đối với các mâu thuẫn, vùng chồng lấn về không gian biển theo nguyên tắc sắp xếp thứ tự ưu tiên, có xem xét tới tính đặc thù của các ngành.

Trong quá trình lập Quy hoạch không gian biển quốc gia, Cơ quan lập quy hoạch đã xem xét, cập nhật các quy hoạch đã được phê duyệt và dự thảo quy hoạch: Quy hoạch ngành quốc gia (37/42 quy hoạch), quy hoạch vùng (01/04 quy hoạch) và quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (27/28 quy hoạch).

*d) Sự phù hợp của quy hoạch với nội dung quy hoạch được quy định tại Điều 23 Luật Quy hoạch và Điều 21 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP*

Đánh giá sự phù hợp của nội dung quy hoạch với nội dung quy hoạch được quy định tại Điều 23 Luật Quy hoạch và Điều 21 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

- Về căn cứ lập quy hoạch, kết cấu báo cáo: Căn cứ lập quy hoạch phù hợp với Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Quy hoạch và các quy định của pháp luật cụ thể gồm:

Quy hoạch không gian biển quốc gia đã bám sát các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn trong quản lý, sử dụng không gian biển (bao gồm vùng đất ven biển, hải đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam) của Đảng và Nhà nước nêu trong các nghị quyết, kết luận của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các thỏa thuận phân định biển Việt Nam ký với các nước; các tuyên bố của Việt Nam về đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải, về lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam; các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên. cụ thể:

+ Phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho các vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch (2018); Luật Quy hoạch (2017); Luật Biển Việt Nam (2012); Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2015); Luật Bảo vệ môi trường (2020); Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết số 39/2021/QH13 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

+ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030.

+ Ngoài các cơ sở trên, việc lập Quy hoạch không gian biển quốc gia còn xem xét các quy hoạch đã được phê duyệt và các dự thảo quy hoạch: Quy hoạch ngành quốc gia (37/42 quy hoạch), quy hoạch vùng (01/04 quy hoạch) và quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (27/28 quy hoạch).

- Về nội dung quy hoạch: Nội dung Quy hoạch không gian biển quốc gia đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 22/NQ-CP.

- Báo cáo tổng hợp quy hoạch đã nêu đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP gồm:

+ Tổng hợp, phân tích cơ sở lý luận, tài liệu, phương pháp xây dựng Quy hoạch không gian biển;

+ Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và kinh tế xã hội;

+ Đánh giá thực trạng và yêu cầu khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường, không gian biển (thực trạng và yêu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển của các ngành, lĩnh vực; thực trạng chồng lấn, mâu thuẫn; yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển...);

+ Phân tích, đánh giá thể chế, chính sách, pháp luật hiện hành trong quản

lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và không gian biển;

- + Dự báo các điều kiện tương lai của Quy hoạch không gian biển quốc gia;

- + Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời của Việt Nam;

- + Phân vùng chức năng và phân vùng sử dụng không gian biển trong kỳ quy hoạch nhưng tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023.

- + Báo cáo đã nêu các giải pháp, nguồn nhân lực thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Về đánh giá môi trường chiến lược

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quy hoạch không gian biển quốc gia đã có đánh giá tác động môi trường chiến lược. Lý do, bên cạnh những giá trị to lớn về kinh tế, địa chính trị, biển, đảo Việt Nam đang đối mặt với nhiều vấn đề như: Suy thoái sinh cảnh, hệ sinh thái biển, ven biển; ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ; sự cố môi trường biển; gia tăng tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng; mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển giữa các ngành, các bên có liên quan.

- Về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

- + Quan điểm xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia nhằm:

Cụ thể hóa các định hướng, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, khai thác và sử dụng không gian biển để xây dựng quốc gia mạnh về tiền, giàu từ biển theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII về Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

Bảo đảm đồng bộ, thống nhất trên cơ sở tích hợp các quy hoạch có liên quan để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo tồn biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh; dựa trên nền tảng điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái biển, hải đảo và nhu cầu sử dụng của các ngành, lĩnh vực và địa phương có biển; bảo đảm phát triển bền vững, trên nền tảng tăng trưởng xanh,



hài hòa giữa bảo tồn và phát triển; phát huy tối đa tiềm năng vị thế, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của từng ngành, lĩnh vực và vùng biển, ven biển của Việt Nam; ưu tiên phát triển sáu ngành kinh tế biển, công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển, đặc biệt là khoáng sản dưới đáy biển.

Duy trì chức năng, cấu trúc, khả năng chống chịu, sức chịu tải của các hệ sinh thái và các vùng, khu vực biển; bảo đảm khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thiết yếu của các hệ sinh thái, môi trường biển cho đời sống con người và sự phát triển của các ngành kinh tế biển; giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đi đôi với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển.

Phát triển kinh tế - xã hội biển dựa vào phương thức quản lý tổng hợp, liên ngành và khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý, khai thác, sử dụng không gian biển.

Huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là nguồn tài chính ngoài ngân sách để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển kinh tế biển; ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, đào tạo nguồn nhân lực về biển và thực hiện Quy hoạch; kết hợp huy động các nguồn lực trong và ngoài nước; chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập, hợp tác quốc tế.

**Mục tiêu tổng quát:** Tạo lập cơ sở cho phát triển kinh tế biển nhanh và bền vững, góp phần hình thành, phát triển các ngành kinh tế biển vững mạnh, tạo nhiều sinh kế hiệu quả cho người dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, các giá trị văn hóa, từng bước đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

**Mục tiêu cụ thể:** Phân bổ, quản lý hiệu quả, giảm thiểu các mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng không gian biển nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế biển, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn biển, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế hiệu quả, từng bước xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, cụ thể:

**Về kinh tế biển:** Góp phần để các ngành kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước; kinh tế của 28 tỉnh, thành phố có biển đạt 65 - 70% GDP cả nước; thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố ven biển gấp 1,2 lần thu nhập bình quân của cả nước<sup>4</sup>; mở rộng quỹ đất cho phát triển

<sup>4</sup> Mục tiêu về kinh tế biển Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018;

kinh tế - xã hội thông qua hoạt động lấn biển, mở rộng đảo ở những nơi có điều kiện thích hợp; phát triển hệ thống đô thị ven biển, đảo gắn với phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phân bố đồng bộ, hài hoà, hợp lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hiện đại theo mô hình kinh tế xanh, đô thị thông minh, đô thị sinh thái; xây dựng và nhân rộng các khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp và chống chịu cao, gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, thúc đẩy liên kết vùng.

*Về xã hội:* Phần đầu chỉ số phát triển con người (HDI) của các tỉnh, thành phố có biển đạt mức cao hơn mức trung bình của cả nước<sup>5</sup>; các đảo có người dân sinh sống có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục.

*Về bảo vệ môi trường, bảo tồn biển:* Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo, kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi và chịu tải của các hệ sinh thái biển. Tăng diện tích các khu bảo tồn, bảo vệ biển và ven biển<sup>6</sup> hướng tới đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia<sup>7</sup>. Ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, phòng, tránh, hạn chế tác động của thiên tai, ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP 26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

*Về khoa học và công nghệ:* Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ biển; tối thiểu 50% diện tích vùng biển Việt Nam được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỉ lệ bản đồ 1: 500.000 và điều tra tỉ lệ lớn ở một số vùng trọng điểm<sup>8</sup>; trình độ khoa học và công nghệ biển Việt Nam thuộc nhóm nước dẫn đầu trong ASEAN, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của thế giới; ứng dụng công nghệ vũ trụ và trí tuệ nhân tạo trong quan trắc, giám sát môi trường biển, dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

*Về quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế:* Bảo đảm vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; xử lý tốt các tình huống trên biển; duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển; giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển; kết hợp quốc phòng, an ninh với phát triển kinh

<sup>5</sup> Mục tiêu về xã hội Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018;

<sup>6</sup> Bao gồm vườn quốc gia; khu bảo tồn thiên nhiên; khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, sinh cảnh, hệ sinh thái,... trên các vùng đất ven biển, vùng biển, hải đảo, quần đảo của Việt Nam

<sup>7</sup> Mục tiêu về môi trường Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018;

<sup>8</sup> Mục tiêu về môi trường Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018.

tế. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác, sử dụng bền vững biển.

+ Nguyên tắc lập quy hoạch: Việc lập Quy hoạch không gian biển quốc gia phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nước ta đối với các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; các lợi ích khác của Việt Nam trên các vùng biển và vùng trời. Phù hợp với Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã điều chỉnh tầm nhìn đến năm 2050); Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các luật, văn bản dưới luật khác có liên quan đến quản lý, khai thác sử dụng bền vững các tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo của Việt Nam. Cơ quan lập quy hoạch đã xem xét, tích hợp Quy hoạch ngành quốc gia (37/42 quy hoạch), quy hoạch vùng (01/04 quy hoạch) và quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (27/28 quy hoạch), đồng thời xem xét tích hợp thông tin từ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bảo vệ, duy trì cấu trúc chức năng quan trọng của các hệ sinh thái; liên kết, tích hợp các thành phần, chức năng của biển, thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình quy hoạch; tuân thủ đường lối, chính sách và phù hợp với các mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế của Việt Nam, pháp luật và các điều ước quốc tế liên quan đến biển, hải đảo mà Việt Nam là thành viên và Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982.

+ Bảo đảm tính khả thi, có hiệu quả về khoa học và kinh tế, về vốn, nhân lực, trang thiết bị: Các nhóm nhiệm vụ đề xuất trong Quy hoạch không gian biển quốc gia được xây dựng có tính khả thi.

#### - Phương pháp lập quy hoạch

+ Đơn vị tư vấn đã sử dụng các phương pháp phù hợp, khả thi, có hiệu quả để xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, được lập theo cách tiếp cận hệ thống - tổng hợp, tiếp cận phát triển bền vững và tiếp cận hệ sinh thái; phân định, sắp xếp không gian biển hợp lý cho các ngành, lĩnh vực khác nhau trên cơ sở tích hợp các quy hoạch ngành liên quan đến biển; định hướng, thiết lập phương án sử dụng không gian biển và giải quyết các bất cập về sử dụng

biển để từ đó cân bằng các nhu cầu phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nhu cầu bảo vệ các HST biển; là quá trình phân tích và phân bổ các hoạt động của con người theo không gian và thời gian ở các vùng biển để đạt các mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội và sinh thái đặt ra.

+ Phương pháp, cách tiếp cận lập Quy hoạch không gian biển quốc gia được dựa trên hướng dẫn của các tổ chức quốc tế, đặc biệt hướng dẫn của UNESCO IOC, Chương trình IEMSD, PEMSEA và tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Australia, Trung Quốc và một số nước trong khối ASEAN, nhưng có sự chọn lọc để phù hợp với bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, tính đặc thù về tài nguyên biển, thực trạng sử dụng biển và các chính sách, pháp luật quản lý biển theo hướng phát triển bền vững của Việt Nam.

- Về các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện quy hoạch, báo cáo đưa ra 07 giải pháp có tính khả thi, đảm bảo thực hiện quy hoạch một cách toàn diện, cụ thể: Cơ chế, chính sách quản lý không gian biển; giải pháp về khoa học, công nghệ và môi trường; huy động vốn đầu tư; phát triển nguồn nhân lực; kiểm tra, thanh tra, giám sát; hợp tác quốc tế và giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức. Đồng thời đưa ra Danh mục các chương trình, dự án nhiệm vụ ưu tiên thực hiện dựa trên khả năng cấp kinh phí ngân sách hàng năm và danh mục nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tính khả thi.

- Về tiến độ lập quy hoạch Quy hoạch không gian biển quốc gia được xây dựng đúng tiến độ.

- Về kiến nghị: Tầm nhìn của Quy hoạch không gian biển quốc gia có tầm nhìn đến năm 2050 để bảo đảm phù hợp với tầm nhìn của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch: Hệ thống các bản vẽ sơ đồ, bản đồ quy hoạch đáp ứng yêu cầu theo quy định. Cơ sở dữ liệu quy hoạch được lập theo quy định

*(Chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định được tổng hợp đầy đủ đính kèm theo Báo cáo này)*

### **III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kết luận**

a) Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia với tỷ lệ bỏ phiếu thông qua 30/30 phiếu (đạt 100% số thành viên có mặt tham dự phiên họp), trong đó có 04/30 phiếu biểu quyết đồng ý thông qua và 26/30 phiếu biểu quyết đồng ý thông qua có chỉnh sửa;

b) Hội đồng thẩm định đánh giá hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia đáp ứng được yêu cầu theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia;

c) Thống nhất với đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh “tầm nhìn đến năm 2045” thành “tầm nhìn đến năm 2050” để bảo đảm phù hợp với Luật Quy hoạch, Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

## 2. Kiến nghị

Hội đồng thẩm định yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định này có trách nhiệm:

a) Tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia bằng văn bản và ý kiến của các thành viên Hội đồng tại phiên họp Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia;

c) Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia và các tài liệu kèm theo hồ sơ trình Chính phủ thông qua để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./.

### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTgCP Trần Hồng Hà - Chủ tịch HĐTĐ (để báo cáo);
- Ủy viên Hội đồng thẩm định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT (Cơ quan thường trực HĐTĐ);
- Lưu: VT, HĐTĐQHKGB.

*(Chữ ký)*

**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Quốc Khánh**  
**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**  
*(Kèm theo Báo cáo thẩm định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)*

<b>STT</b>	<b>Các ý kiến góp ý</b>
<b>I</b>	<b>ỦY VIÊN PHẢN BIỆN VÀ CHUYÊN GIA</b>
<b>1</b>	<b>GS. TS. Mai Trọng Nhuận - Ủy viên phản biện</b>
-	Diễn đạt nội hàm QHKGB Việt Nam cho ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện hơn
-	Đề xây dựng 10 bản đồ quy hoạch, 68 bản đồ chuyên đề được tổng hợp, thu thập, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu từ các bộ, ngành, địa phương; các đề tài, dự án và các kết quả nghiên cứu đã được công bố. Điều này cho thấy tính xác thực về mặt pháp lý của các bản đồ. Hệ thống bản đồ, sơ đồ được bảo đảm tính pháp lý cao, độ tin cậy và chính xác. Tuy nhiên, cần rà soát các ký hiệu chú giải và ký hiệu trên bản đồ cho thống nhất; các chú giải cần bố trí khoa học để dễ đọc và phù hợp với quy định lập bản đồ. Các vùng quy hoạch theo các hạng mục cần được rà soát để thể hiện đúng về màu sắc, ký hiệu, đảm bảo dễ đọc và tránh bị nhầm lẫn giữa các vùng quy hoạch với nhau
-	Rà soát để đảm bảo sự thống nhất nội dung, số liệu giữa các Dự thảo tờ trình Chính phủ; Dự thảo tờ trình Quốc hội; Nghị quyết của Quốc hội với các nội dung của Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt
-	Rà soát Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt cho cô đọng hơn, bỏ một số chỗ trùng lặp, sửa chữa các lỗi kỹ thuật, hoàn thiện bộ bản đồ theo đúng các quy định hiện hành
<b>2</b>	<b>PGS. TS. Nguyễn Chu Hồi</b>
-	Về cấu trúc và nội dung của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề nghị kiểm tra các đầu mục khi dùng các cụm từ “nhu cầu khai thác...” và “yêu cầu khai thác...”. Để thống nhất nên dùng cụm từ “nhu cầu”. Chính xác lại “Hoàng Sa thuộc Đà Nẵng” chứ không phải thuộc Quảng Ngãi, và “Lý Sơn thuộc Quảng Ngãi” chứ không phải thuộc Quảng Nam,...như trong báo cáo
-	Đối với báo cáo tổng hợp của quy hoạch nên viết rút gọn phần “lý luận/lý thuyết” (có thể viết kỹ trong báo cáo chuyên đề) để bảo đảm cân đối, dễ đọc, dễ theo dõi tính dẫn xuất của thông tin và để làm nổi bật phần chính của quy hoạch. Ví dụ, ở Chương 1, mục 1.1, thay vì nhắc lại lý thuyết thì cụ thể hoá rằng quá trình làm quy hoạch này ta đã làm cụ thể gì dựa theo các bước trong lý thuyết trình bày trong báo cáo? Và thay vào đó mô tả kỹ “quá trình lập quy hoạch không gian biển” như thế nào

STT	Các ý kiến góp ý
-	<p>Khi sửa nhấn mạnh đến <i>một số cách tiếp cận</i> khi làm quy hoạch không gian biển này: <i>tiếp cận có sự tham gia</i> của các bên liên quan, <i>tiếp cận tích hợp, tích hợp cân trọng, tiếp cận không gian mở</i> và <i>tiếp cận dựa vào hệ sinh thái</i>. Nguyên tắc điều chỉnh, sửa chữa quy hoạch phải bám sát vào: tính thứ bậc (cấp quy hoạch), khả thi trong thời kỳ quy hoạch (2021-2030), đưa ra các <i>định hướng sử dụng không gian biển quốc gia</i> (trong phạm vi thẩm quyền của Quốc hội, phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch 2017) và phải có lộ trình phân kỳ thực hiện (Road-map) quy hoạch</p>
-	<p>Phân phân tích bối cảnh cần phân tích và viết cô đọng hơn, cung cấp căn cứ cho định hướng tổ chức không gian biển quốc gia, đặc biệt ở những vùng biển có sự “dịch chuyển” vị trí địa chính trị, ví dụ như vùng biển Tây Nam và Đông Nam liên quan tới cạnh tranh ảnh hưởng thông qua các sáng kiến chiến lược của các nước lớn (sáng kiến “con đường tơ lụa trên biển của Trung Quốc” và sáng kiến “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mở và tự do”)</p>
-	<p>Toàn bộ Phần I với 259 trang là quá dài, nên tăng phần phân tích luận giải cơ sở xác định các ưu tiên và lĩnh vực đột phá được lựa chọn ở phần sau. Ví dụ, vì sao lại chọn thủy sản là lĩnh vực ưu tiên cao nhất đến năm 2030, trong khi nguồn lợi suy giảm 16% so với trước 2010, vượt cường lực đánh bắt,...; các loài mục tiêu kinh tế trữ lượng không còn ở quy mô hàng hoá,...; tình trạng IUU chưa có triển vọng giảm bền vững, khả năng tái phạm lớn; 60-80% cá ngừ chế biến các nhà máy phải nhập ngoại nguyên liệu,... Nếu tuân thủ IUU thì sản xuất thủy sản trong nước thế nào, có như kỳ vọng không? Cũng nên đánh giá chuyển dịch cơ cấu sang nuôi biển đến năm 2030 và với thể chế hiện thời thì tác động vào đâu để khả thi</p>
-	<p>Kết quả phân tích mâu thuẫn lợi ích và xung đột không gian khai thác, sử dụng là khá tốt, cần gợi mở các giải pháp giảm thiểu, xử lý,... để làm căn cứ đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch trên cơ sở bám sát vào các phân tích, đánh giá và gợi mở nói trên. Đồng thời cũng thể hiện tối đa các khu vực mâu thuẫn, chồng lấn, xung đột đã phân tích lên bản đồ/sơ đồ. Từ đó tính toán một cách “biểu kiến” diện tích các phần chồng lấn, xung đột cần điều chỉnh, và các nguyên tắc xử lý</p>
-	<p>Mục tiêu tổng quát nên nói rõ hơn từ góc nhìn quy hoạch không gian biển sẽ đóng góp gì khi giảm thiểu được xung đột trong khai thác, sử dụng biển hiện nay, và khi phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả không gian biển sẽ góp phần thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 của Nghị quyết 36/NQ-TW,... Ví dụ, nếu thực hiện tốt thì: <i>QHKGB quốc gia sẽ góp phần giảm thiểu mâu thuẫn lợi ích, xung đột không gian trong khai thác, sử dụng biển, đảo; đảm bảo an ninh môi trường biển và phát triển bền vững</i></p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<i>kinh tế biển; bảo đảm các quyền và lợi ích biển của Việt Nam trên Biển Đông; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Nghị quyết số 36/NQ-TW</i>
-	Mục tiêu cụ thể nên xem xét, cơ cấu lại, bám sát vào những kết quả mà quy hoạch không gian biển đem lại được , để tránh trùng với loại quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội biển, đảo như đã làm như trước đây. Từ từ lại để tránh nhầm lẫn và làm rõ hơn đóng góp của quy hoạch không gian biển
-	Bổ sung thêm lộ trình (Road-map) thực hiện quy hoạch, như diện tích bảo tồn thiết lập theo lộ trình: đến 2025, đến 2030 và đến 2030. Thông qua đó, quy hoạch lần này
-	Trong phần định hướng: các ngành ưu tiên, khâu đột phá phải hỗ trợ cho nhau và phải gắn với phân bổ không gian. Không nên sa đà vào định hướng phát triển ở cấp thấp hơn quốc gia, vì nó thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và đâu đó đã được xác định trong các chiến lược, quy hoạch, nghị quyết của Bộ Chính trị, tỉnh/thành phố TW
-	Lưu ý đến không gian cho phát triển năng lượng tái tạo, đô thị biển, các đồng muối tiềm năng. Một số ngành/nghề mới, như: du lịch biển, nghề cá giải trí
-	Trong các giải pháp, nên mạnh dạn phân cấp vùng biển ven bờ trong phạm vi 6 hải lý giao cho địa phương (cấp tỉnh/tương đương) khai thác, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật. Ở những khu vực có chồng lấn/xung đột không gian nên có giải pháp tương ứng, cụ thể
-	Trên bản đồ, cần rà soát lại: chú giải, tỷ lệ, gam màu, trong đó cần vẽ ranh giới các vùng biển quốc gia và ranh giới quy hoạch đến 2030. Hiện nay các bản đồ vẫn để hai vùng biển đảo Hoàng Sa và Trường Sa không có ranh giới liệu có ổn
-	Các ý kiến trên để cơ quan lập quy hoạch lưu ý, tham khảo, sửa chữa, chính xác hoá và bổ sung. Nên rút ngắn báo cáo tổng hợp và xem lại Bộ bản đồ/sơ đồ minh họa
-	Trong quá trình hoàn thiện quy hoạch, nên xem kỹ lại các văn bản trong hồ sơ quy hoạch cả về nội dung, hình thức, cả về chế bản và câu chữ
<b>3</b>	<b>TS. Phạm Khôi Nguyên - Ủy viên phản biện</b>
-	Đây là một quy hoạch có tính quốc tế rất lớn bởi phạm vi ranh giới của vùng biển của nước ta là một nội dung “nhạy cảm”, cần phải suy xét, cẩn thận, vừa phải bảo đảm chủ quyền quốc gia, vừa phải tránh những tranh cãi, mâu thuẫn không cần thiết. Cần phải xác định rõ những nội dung nào không nên công khai và những nội dung nào sẽ công khai, trình bày trước quốc dân đồng bào, kể cả các nội dung về quốc phòng để bảo đảm cho



STT	Các ý kiến góp ý
	công tác quản lý thực tế. Đồng thời, tôi kiến nghị, Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường cần phải tạo ra một sự đồng thuận, cách hiểu thống nhất về quy hoạch không gian biển, về vai trò và tầm quan trọng của biển trong xã hội nói chung và các cấp nói riêng, đặc biệt là các đại biểu quốc hội
-	Tôi rất quan tâm đến chính sách đưa dân ra đảo. Chúng ta có khoảng 70 đảo có người ở, tuy nhiên, điều kiện sinh hoạt cho người dân cùng với các chính sách ưu đãi chưa được như mong muốn. Không có lực lượng quân sự nào bảo vệ biển bằng dân. Do đó, dù có thể chưa được thể hiện kỹ trong Hồ sơ quy hoạch này nhưng tôi muốn có sự nghiên cứu sâu hơn về chính sách đưa dân, giữ dân ở ngoài đảo trong thời gian tới
-	Vấn đề về Biển Đông, nội dung liên quan đến quốc phòng cần đặc biệt chú ý. Chưa bao giờ mà vấn đề Biển Đông lại tiềm ẩn những yếu tố khó lường đến thế dù chúng ta thấy trong thời gian qua khá yên ổn. Nó đang chứa đựng những đợt sóng ngầm và ta phải rất chú ý đến động thái của các nước lớn. Không phải đơn giản mà các lãnh đạo cấp cao của nước ta đều tuyên bố Việt Nam không chọn bên, Việt Nam chọn chính nghĩa bởi trên thực tế, các nước lớn đang ép các nước nhỏ phải chọn bên. Do vậy, cần có sự phối hợp nghiên cứu giữa các Bộ, ngành (nếu có thể) sâu hơn về bối cảnh Biển Đông
<b>4</b>	<b>TS. Ngô Trung Hải - Ủy viên phản biện</b>
-	Quy hoạch không gian biển có phạm vi nghiên cứu liên quan tới 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong đó cả phạm vi của Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ (lấy phạm vi đến 6 hải lý và các Huyện/Xã ven biển) cho nên để tránh trùng lặp quy hoạch, có thể lựa chọn những nội dung thực sự cần thiết của QH vùng bờ trong Báo cáo giữ lại và không cần nhắc đến những phần đã có trong Quy hoạch vùng bờ
-	Tôi cũng đã có điều kiện trực tiếp tham gia nhiều đồ án liên quan đến các Đảo và Quần đảo như Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới Vịnh Hạ Long, Quy hoạch Chung thành phố Hạ Long, Thành phố Móng Cái, Cẩm Phả, các đảo Bạch Long Vĩ, QHC TP Nha Trang, Vũng Tàu, Côn đảo và thành phố - đảo Phú Quốc,... đây là những khu vực ẩn chứa nhiều tiềm năng phát triển đa ngành, từ đánh bắt hải sản, cảng biển nước sâu, du lịch và dịch vụ du lịch, cảng biển và trung tâm logistics cũng đồng thời cần bảo tồn nhiều không gian biển. Cho nên việc lựa chọn ý tưởng phát triển và bảo tồn cho những vùng này cần xem xét đến các quy hoạch này một cách thận trọng nhưng đồng thời lại tạo điều kiện cần thiết để những vùng không gian Biển liên quan ở các vùng này có điều kiện phát huy tối đa lợi thế phục vụ cho phát triển kinh tế địa phương, mở

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>rộng bờ cõi trên biển một cách hợp lý, tránh cản trở nhiều ý tưởng thực tiễn đang được đề xuất ở các khu vực trên (thuộc vùng biển đảo). Ví dụ như Côn đảo liệu có nên xác định là Đô thị sinh thái Biển đặc sắc không vì theo Tầm nhìn hiện nay đang được đề xuất “Côn đảo là Đảo Du lịch đặc sắc, độc đáo là điểm đến du lịch đẳng cấp quốc gia và quốc tế” – (trích nội dung báo cáo dự thảo QHC XD Côn đảo, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, 2023 VIUP)</p>
-	<p>Thành phố Phú Quốc, hiện nay đang chuẩn bị trình duyệt đồ án QH Chung xây dựng có xác định đây là Đô thị biển đảo đặc sắc, như vậy cũng phù hợp với định hướng trong quy hoạch KGB này. Nhưng đối chiếu với bản vẽ trong QHCXD Phú Quốc có định hướng lấn biển về phía Đông còn khu vực này trong bản vẽ trong QH KGB lại chưa nằm trong Vùng khuyến khích phát triển, có thể nghiên cứu lấn biển</p>
-	<p>Trong phân vùng chức năng cho các vùng biển từ Bắc xuống Nam, mặc dù đã cập nhật gần hết hệ thống cảng biển quốc gia nhưng có thể ghi tổng quan hơn để tránh quá chi tiết ví dụ có thể dùng từ: cụm cảng biển phía Bắc gồm cụm cảng Quảng Ninh (Cái Lân, Hải Hà, Cẩm Phả, Yên Hưng...) cụm cảng Hải Phòng (Lạch Huyện – Đình Vũ, Nam Đồ Sơn...), cụm cảng Nam Định, Thái Bình (dự kiến có cảng Nghĩa Hưng....)...hoặc như vùng biển Đông Nam bộ đang đề xuất cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ thuộc tp HCM chờ Chính phủ phê duyệt, trong vùng biển Tây Nam bộ còn có cảng đặc biệt Trần Đề (Sóc Trăng) là cảng cửa ngõ cho vùng ĐBSCL và trong tương lai sẽ có một số vùng biển tiềm năng có thể phát triển cảng nước sâu khác trong quá trình phát triển nhằm tránh tình trạng sau này có phát sinh sẽ không phải điều chỉnh nhiều trong Quy hoạch KGB</p>
-	<p>Lưu ý các cụm cảng nước sâu không chỉ phục vụ trong nước mà còn có ý nghĩa liên kết với các quốc gia láng giềng như cụm cảng Hải Phòng kết nối với vùng Nam Trung Quốc, cụm cảng Trung trung bộ kết nối với các tuyến xuyên Á kết nối với Lào và Thái Lan, cụm cảng Đông Nam bộ có thể kết nối với Cambodia, Lào và Thái Lan</p>
<b>5</b>	<b>GS. TS. Trần Đức Thạnh - Ủy viên</b>
-	<p>Phần rất quan trọng của đề án quy hoạch là bộ bản đồ quy hoạch, trong đó bản đồ quan trọng nhất đối với đề án này là sơ đồ sử dụng không gian biển tỷ lệ 1:7.000.000. Do điều kiện thời gian và tiến độ, bộ bản đồ khó có thể đáp ứng yêu cầu của Nghị định 37 với bản đồ tỷ lệ 1:100.000 – 1:1.000.000. Sự khó khăn về tỷ lệ bản đồ dẫn đến trong 4 nhóm sử dụng không gian biển: vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, khu vực cần bảo vệ đặc biệt, khu vực khuyến khích phát triển, thì chỉ có mỗi khu vực khuyến khích phát triển được cụ thể hóa bằng các không gian sử</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	dụng biển cụ thể. Trong khi ba vùng và khu vực đầu không cụ thể được bằng các hoạt sử dụng biển cụ thể, không thể hiện được không gian giành cho bảo tồn biển, bảo vệ tự nhiên – sinh thái và an ninh – quốc phòng.
-	Việc phân chia các vùng biển Việt Nam trong quy hoạch, theo các quy định pháp lý cứng nhắc, chịu ảnh hưởng nhiều của phân vùng không gian kinh tế trên đất liền, mà ít phản ánh tính đặc thù của biển, không phản ánh được tính phân hóa tự nhiên giữa các vùng và tính đồng nhất trong nội tại các vùng. Ví dụ, vùng biển Đông Nam Bộ trong quy hoạch quá nhỏ bé so với vùng biển Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Trung Bộ, hình dáng đường ranh giới uốn lượn chắn trước cửa các nhánh sông Mê Kông, rõ ràng thiếu căn cứ khoa học và cơ sở vẽ như vậy có lẽ chỉ đơn giản là cố bao lấy Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
-	Về việc phân bổ không gian cho các hoạt động sử dụng biển, xét về tiềm năng tự nhiên và mong muốn xã hội, sơ đồ phân vùng cơ bản đã đáp ứng được. Tuy nhiên, mặc dù quy hoạch tầm nhìn đến 2045, nhưng không gian tiềm năng còn phải tiếp tục nghiên cứu để lại quá rộng, trong khi các tư liệu hiện có có thể cho phép khoanh định cụ thể hơn, chuyển từ trạng thái tiềm năng sang phân định phân bổ sử dụng. Một số không gian đã khoanh định cần tiếp tục điều chỉnh, ví dụ như không gian đánh bắt thủy sản hay điện gió tiềm năng. Ví dụ, có thể nhận thấy vùng tiềm năng điện gió ngoài khơi Trung Trung Bộ ra đến tận độ sâu hàng trăm, thậm chí trên nghìn mét là chưa thực tế và thiếu tính khả thi.
-	Đối với hai vùng quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, trong khi nước ngoài có tranh chấp đưa vào quy hoạch vùng phát triển tích cực, thì quy hoạch này đưa vào vùng còn tiếp tục nghiên cứu, là điều cần xem xét thêm. Hai quần đảo này nên được quy hoạch vào không gian biển ưu tiên bảo tồn, bảo vệ tự nhiên. Quần đảo Hoàng Sa nên phân bổ không gian cho các sử dụng bảo tồn tự nhiên và đánh bắt thủy sản, còn quần đảo Trường Sa nên phân bổ không gian cho các sử dụng bảo tồn tự nhiên, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch biển đảo. Các hoạt động này trên thực tế Việt Nam đã và đang thực hiện trên hai quần đảo, đặc biệt là đánh bắt thủy sản. Vừa đề khẳng định chủ quyền, quy hoạch bảo tồn tự nhiên và đánh bắt thủy sản phù hợp với luật pháp quốc tế và không gây phản ứng lớn
-	Trong chương IX, mục 9.1.1. về cơ chế chính sách quản lý không gian biển, cần phải bổ sung vấn đề cấp phép sử dụng biển (phân quyền, phân cấp trách nhiệm). Cấp phép sử dụng biển và giám sát việc sử dụng không gian biển biển theo quy hoạch là hai hoạt động quan trọng nhất đối với việc thực hiện QHKG. Tình trạng quy định về cấp phép sử dụng biển hiện nay còn rất nhiều bất cập trong các văn bản pháp lý, có sự chồng chéo và mâu thuẫn giữa các quy định. Vì vậy, QHKG quốc gia – một quy hoạch tổng thể được duyệt, cần phải nêu rõ một cách có hệ thống

STT	Các ý kiến góp ý
	phân quyền và thẩm quyền cấp phép sử dụng biển.
-	<p>Một đặc điểm quan trọng của QHKGB là tính phân kỳ của quy hoạch và các giai đoạn thực hiện, các mốc thời gian quan trọng (vì quy hoạch có tầm nhìn đến 2045). Vấn đề này cần phải được nêu cụ thể và làm rõ hơn (mới được thể hiện ở mức rất tổng quát ở phần nói về mục tiêu). Ví dụ, đến mốc thời gian nào thì khu vực cần điều tra, nghiên cứu để phân vùng theo mục đích khuyến khích, được trở thành các phân vị được quy hoạch chính thức.</p>
-	<p>Phần kết luận cần nêu những thuận lợi và khó khăn (nhấn mạnh về khó khăn), những bất cập nảy sinh khi thực hiện xây dựng đề án QHKGB quốc gia. Cần phải có những kiến nghị cụ thể, nhất là về điều chỉnh và bổ sung cơ sở pháp lý cho QHKGB ở Việt Nam.</p>
-	<p>Cần rà soát những câu từ, địa danh nhạy cảm, đặc biệt chú ý đến tên các vùng biển, vùng ven biển, đảm bảo vừa tuân thủ các quy định pháp luật, vừa đảm bảo tính khoa học, mạnh dạn đề xuất thay đổi những tên gọi chưa hợp lý. Ví dụ trong tờ trình Chính phủ (trang 3), nên cân nhắc thật kỹ cách diễn đạt về khái niệm, phạm vi biển Việt Nam và Biển Đông. Một số khái niệm về địa lý, địa danh trong báo cáo chưa thật hợp lý do phải tuân thủ các văn bản quy định pháp lý có trước, cần kiến nghị điều chỉnh và đề xuất điều chỉnh để đảm bảo tính khoa học và tính nhất quán, ví dụ cụm từ địa danh “ven biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ”, chỉ cần nói “vùng biển Trung Bộ” là đầy đủ, chính xác và ngắn gọn.</p>
-	<p>Tiếp tục chỉnh sửa về kỹ thuật bản đồ: tất cả các bản đồ tổng hợp hoặc các mảnh bản đồ cần phải ghi tỷ lệ gốc, thước tỷ lệ nằm trong bản đồ, năm thành lập vì mang giá trị pháp lý, lịch sử và lưu trữ. Trên các bản đồ thu nhỏ vào báo cáo, cần biên tập lại chú giải để có thể đọc được tất cả các thông tin trên bản đồ. Cần lưu ý sử dụng các gam màu có độ tương phản rõ và các nét gạch màu đậm để dễ phân biệt. Với cách dùng màu sắc và ký hiệu nét gạch như các bản đồ trong báo cáo, người đọc khó phân biệt được nhiều đối tượng bằng mắt thường.</p>
-	<p>Chỉnh sửa khoảng vi của một số đối tượng sử dụng biển trên bản đồ, ví dụ không gian đánh bắt thủy sản, không gian điện gió tiềm năng, vùng triển vọng băng cháy, v.v. Cố gắng thể hiện không gian sử dụng cho bảo tồn, bảo vệ tự nhiên và an ninh quốc phòng trên sơ đồ sử dụng không gian biển.</p>
<b>II</b>	<b>CÁC BỘ, NGÀNH</b>
<b>2.1</b>	<b>Bộ Quốc phòng</b>
-	<p>Điều chỉnh một số nội dung đánh giá về thực trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng không gian biển cho mục đích quốc phòng, an ninh (Mục 3.1.1 -</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>trang 140 - 145 Báo cáo tổng hợp), đề nghị điều chỉnh một số nội dung như sau: Khổ thứ nhất, trang 140: "Quần đảo Trường Sa rộng 150.000km<sup>2</sup>, thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, bao gồm hàng trăm đảo nổi, đá, bãi nông bãi ngầm với trên 130 điểm đã được đặt tên trong đó có 8 cụm lớn là Song Tử, Thị Tứ, Loan Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, An Bang và Bình Nguyên". Quần đảo Hoàng Sa thuộc huyện đảo Hoàng Sa, TP Đà Nẵng rộng khoảng 150.000km<sup>2</sup>, bao gồm hơn 100 đảo nổi, đá, bãi nông, bãi ngầm với trên 60 điểm đã được đặt tên, trong đó có 3 cụm lớn là "Lưỡi Liềm, Vĩnh An và Mác-lec-phin".</p>
-	<p>Đề nghị điều chỉnh như sau: "Quần đảo Trường Sa thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, bao gồm trên 100 đảo nhỏ, bãi ngầm và những bãi đá san hô, bao bọc một vùng đáy biển nông có diện tích khoảng 160.000 - 180.000 km<sup>2</sup>, giới hạn từ vĩ độ 06<sup>0</sup>50'N – 12<sup>0</sup>00'N và từ kinh độ 111<sup>0</sup>30'E – 117<sup>0</sup>30'E, được chia thành 8 cụm đảo từ Bắc xuống Nam, gồm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên; hiện nay, ta đang đóng giữ 21 đảo tại quần đảo Trường Sa gồm: Song Tử Tây, Đá Nam, Sơn Ca, Đá Thị, Nam Yết, Đá Lớn, Sinh Tồn, Sinh Tồn Đông, Cô Lin, Len Đạo, Đá Lát, Trường Sa, Đá Tây, Trường Sa Đông, Đá Đông, Phan Vinh, Tộc Tan, Núi Le, Tiên Nữ, Thuyền Chài, An Bang. Quần đảo Hoàng Sa thuộc huyện đảo Hoàng Sa, TP. Đà Nẵng, bao gồm 37 đảo, đá, cồn san hô, bãi cát nằm rải trên một vùng biển rộng có diện tích khoảng 35.580 km<sup>2</sup>, có phạm vi từ vĩ độ 15<sup>0</sup>45'N – 17<sup>0</sup>15'N, kinh độ từ 111<sup>0</sup>00'E – 113<sup>0</sup>00'E, được chia thành hai cụm đảo, cụm An Vĩnh và cụm Lưỡi Liềm".</p>
-	<p>Từ khổ thứ hai trang 140 đến khổ thứ nhất trang 141: "Tham gia bảo vệ biển và các hoạt động trên biển Việt Nam có các lực lượng vũ trang như Biên phòng, Cảnh sát biển, các lực lượng dân sự, kinh tế khác như Kiểm ngư, tra an toàn hàng hải, Hải quan. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt trong quản lý, bảo vệ biên giới, biển, đảo. Bên cạnh đó, Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng quân sự chuyên trách ... an ninh vùng biển". Đề nghị điều chỉnh như sau: "Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và thực thi pháp luật trên các vùng biển, đảo có các lực lượng vũ trang như Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, các Quân khu ven biển, dân quân tự vệ biển và các lực lượng dân sự, kinh tế khác như Kiểm ngư, Thanh tra an toàn hàng hải, Hải quan. Trong đó, Quân chủng Hải quân giữ vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, đảo, thêm lực địa của Tổ quốc và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển Quân chủng Phòng không - Không quân là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển, đảo của Tổ quốc;</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>Cảnh sát biển làm nòng cốt thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển, Bộ đội Biên phòng có nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế, văn hóa, xã hội, tài nguyên, môi trường, bảo đảm việc thi hành pháp luật ở khu vực Biên giới, cửa khẩu, các Quân khu ven biển có vai trò nòng cốt xây dựng phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện, hợp thành phòng thủ đất nước; củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh ở các vùng chiến lược, trọng điểm, biên, đảo, khu vực biên giới, địa bàn xung yếu; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn quân khu.</p>
-	<p>Bổ sung vào hồ sơ về kết quả thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch Chính phủ giao cho các bộ, ngành địa phương liên quan (Điều 3 Nghị quyết số 22/NQ- CP ngày 24/7/2020 của Chính phủ).</p>
-	<p>Về hệ thống bản đồ quy hoạch, đề nghị: (i) Bổ sung Bản đồ quy hoạch (định hướng) không gian biển sử dụng cho mục đích quốc phòng (Cơ quan Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến) đã cung cấp dữ liệu bản đồ kèm theo Công văn số 149/TC-QC ngày 06/01/2023), giao Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng ở chế độ Mật (không công bố rộng rãi) để làm cơ sở thực hiện kết hợp tốt giữa nhiệm vụ quân sự, quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các vùng biển, đảo trong quá trình thực hiện các nội dung Quy hoạch không gian biển quốc gia; (ii) Nghiên cứu phương pháp thể hiện nội dung “Định hướng vùng đánh bắt tuyến khơi (quy định tàu đánh bắt &gt; 15m)” tại Bản đồ định hướng khai thác và sử dụng tài nguyên trong phạm vi không gian biển để bảo đảm phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng) và các quy định của pháp luật có liên quan; (iii) Điều chỉnh chú giải “Ranh giới thềm lục địa 200 hải lý tính từ đường cơ sở Việt Nam” tại các bản đồ, thành “Ranh giới vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam”.</p>
-	<p>Nghiên cứu biên tập thành 02 bản Báo cáo tổng hợp quy hoạch: (i) Bản báo cáo đầy đủ, quản lý sử dụng ở chế độ Mật; (ii) Bản báo cáo công bố rộng rãi (đã lược bỏ các yếu tố :“nhạy cảm” có liên quan đến quốc phòng, an ninh, ví dụ: Bản đồ quy hoạch (định hướng) không gian biển sử dụng cho mục đích quốc phòng như đã nêu trên).</p>
<b>2.2</b>	<b>Bộ Công an</b>
-	<p>Bộ Công an đã có một số Công văn gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến việc xem xét tích hợp Quy hoạch sử dụng đất an ninh, cụ thể: (1) Công văn số 3156/BCA-H02, ngày 6/9/2021 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin, dữ liệu về Quy hoạch để xem xét,</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>tích hợp và Quy hoạch không gian biển quốc gia. (2) Công văn số 1413/BCA-H02 ngày 8/5/2023, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an có trao đổi, “Ngày 20/2/2023, Hội đồng thẩm định Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã họp và thống nhất thông qua Quy hoạch sử dụng đất an ninh. Bộ Công an đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Cơ quan chủ trì lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phối hợp với Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Bộ Công an trong quá trình lập Quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa Quy hoạch không gian biển quốc gia với Quy hoạch sử dụng đất an ninh”. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa làm việc với Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Bộ Công an đề tích hợp thông tin, tài liệu liên quan việc sử dụng đất an ninh của lực lượng Công an vào Quy hoạch không gian biển quốc gia. Tại dự thảo Quy hoạch, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa thể hiện rõ thực trạng, nhu cầu và định hướng sử dụng đất an ninh cho lực lượng Công an, đặc biệt là tại các mục về: định hướng đối với vùng đất ven biển (7.3), định hướng đối với đảo, quần đảo (7.4), định hướng tổ chức không gian khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ (7.5.9). Vì vậy, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cơ quan chủ trì lập Quy hoạch không gian biển phối hợp với Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Bộ Công an xem xét tích hợp những thông tin, số liệu về hiện trạng, nhu cầu, định hướng sử dụng đất an ninh vào Quy hoạch này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ (xin gửi kèm bảng tổng hợp hiện trạng Quy hoạch và định hướng sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Công an tại các tỉnh, thành phố ven biển).</p>
-	<p>Có một số hình Bản đồ Việt Nam sử dụng trong hồ sơ Quy hoạch vẫn chưa thể hiện đầy đủ 02 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam, cụ thể: (1) 02 bản đồ tại trang 126 báo cáo tổng hợp Quy hoạch (bản đồ về biến động dân số đô thị/ nông thôn theo tỉnh năm 2020); (2) 01 bản đồ tại trang 135 báo cáo tổng hợp Quy hoạch (biến động tỉ lệ đói nghèo tại các tỉnh ven biển giai đoạn 2010-2020). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, chỉnh sửa đảm bảo các bản đồ sử dụng trong hồ sơ Quy hoạch đúng quy định của pháp luật, thể hiện đầy đủ các vùng biển, đảo của Việt Nam, đặc biệt là 02 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.</p>
<b>2.3</b>	<b>Bộ Ngoại giao</b>
-	<p>Các kinh nghiệm quốc tế trong Báo cáo tổng hợp chỉ đề cập tới việc quy hoạch không gian biển ba chiều (mặt biển, lòng đất dưới đáy biển và cột nước) mà không đề cập đến quy hoạch vùng trời. Do đó, đề nghị cân nhắc trình bày nguyên nhân, lý do cần thiết phải quy hoạch vùng trời trong quy hoạch không gian biển.</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>- Về phạm vi quy hoạch vùng trời, Bộ Ngoại giao nhất trí việc điều chỉnh phạm vi quy hoạch vùng trời đến giới hạn ngoài lãnh hải của Việt Nam.</p> <p>Tuy nhiên, việc đưa vùng trời phía trên tất cả các đảo vào vùng tiếp tục nghiên cứu lập quy hoạch theo phương án mới chưa thực sự hợp lý do điều này đồng nghĩa việc vùng trời phía trên các đảo trong Vịnh Bắc Bộ chưa được đưa vào quy hoạch (trong khi các đảo này đã được đưa vào quy hoạch vùng biển). Do đó, đề nghị Quý Bộ cân nhắc, xem xét chỉ đưa vùng trời bên ngoài lãnh hải và vùng trời phía trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa vào vùng tiếp tục nghiên cứu lập quy hoạch.</p>
<b>2.4</b>	<b>Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch</b>
	<p>- Đề nghị nghiên cứu rà soát, bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung về hệ thống khu du lịch quốc gia (<i>tại trang 343 Báo cáo tổng hợp Quy hoạch</i>) để phù hợp thống nhất với dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang trình Thủ tướng phê duyệt</p> <p>- Cả nước có 07 khu du lịch quốc gia đã được công nhận, trong đó có 02 khu du lịch quốc gia thuộc các huyện, thành, thị ven biển là: Trà Cỏ (Quảng Ninh) và Mũi Né (Bình Thuận). Cụ thể:</p> <p>+ Cả nước có 07 khu du lịch quốc gia đã được công nhận, trong đó có 02 khu du lịch quốc gia thuộc các huyện, thành, thị ven biển là: Trà Cỏ (Quảng Ninh) và Mũi Né (Bình Thuận);</p> <p>+ Cả nước có 09 trung tâm du lịch gắn với các đô thị có tiềm năng và lợi thế, trong đó có 06 trung tâm thuộc các huyện, thành, thị ven biển là: TP. Hạ Long, TP. Đà Nẵng, TP. Quy Nhơn, TP. Khánh Hòa, TP. Vũng Tàu, TP. Phú Quốc.</p> <p>+ Cả nước có 59 khu vực được xác định là có tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia, trong đó có 18 khu vực thuộc các huyện, thành, thị ven biển</p>
<b>2.5</b>	<b>Bộ Tư pháp</b>
	<p>- Điều 31 Luật Quy hoạch năm 2017 đã quy định về thành phần hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, cung cấp đầy đủ thành phần hồ sơ Quy hoạch; đối với tài liệu mật đề nghị thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước</p> <p>- Theo quy định tại Điều 8 Luật Quy hoạch năm 2017: “Thời kỳ Quy hoạch của các Quy hoạch thuộc hệ thống Quy hoạch quốc gia là 10 năm. Tầm nhìn của Quy hoạch cấp quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm”. Do đó, đề nghị xác định chính xác thời kỳ, tầm nhìn của Quy hoạch không gian biển quốc gia để phù hợp với Luật Quy hoạch và rà soát để thể hiện thống nhất nội dung này trong các tài liệu, hồ sơ kèm theo.</p>



STT	Các ý kiến góp ý
-	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia theo đúng các nội dung của Quy hoạch không gian biển quốc gia đã được quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24/7/2022.
-	Nội dung Quy hoạch không gian biển quốc gia cần phải đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên; bám sát các chủ trương, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại các văn bản của Đảng, chính sách của Nhà nước, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, chặt chẽ, đồng bộ với các Quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan.
-	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát kỹ các quy định của Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Dầu khí, Luật Đa dạng sinh học..., các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này và các văn bản pháp luật khác có liên quan; chỉ ra các mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định pháp luật và các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật tại các địa phương. Trên cơ sở đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần đưa ra các kiến nghị, nhiệm vụ cụ thể hơn về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý không gian biển (dự kiến các văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung/ thay thế và lộ trình).
-	Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật như: dự án Luật Đất đai (sửa đổi), dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), dự án Luật Địa chất và khoáng sản, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển... Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát hồ sơ Quy hoạch với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đang được xây dựng trình ban hành để đảm bảo tính dự án, định hướng của hồ sơ Quy hoạch có tính khả thi, phù hợp, thống nhất với các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật sẽ được ban hành trong thời gian tới.
-	Về trình tự, yêu cầu, căn cứ, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình lập Quy hoạch, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong quá trình thực hiện, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội, các

STT	Các ý kiến góp ý
	chuyên gia, các nhà khoa học, đồng thời tham vấn kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này để đảm bảo Quy hoạch được lập có tính chính xác, khả thi, chặt chẽ, không chồng chéo, mâu thuẫn với các Quy hoạch khác trong hệ thống Quy hoạch. Đối với các mục tiêu, định hướng đặt ra, đề nghị tính toán kỹ lưỡng để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn, có lộ trình cụ thể.
-	Nội dung dự thảo Quy hoạch không gian biển có nhiều nội dung chi tiết, chuyên sâu, mang tính chuyên ngành, liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh ven biển... Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nêu trên trong quá trình hoàn thiện dự thảo Quy hoạch theo đúng quy định pháp luật
-	Đối với các chương trình, dự án, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan thuyết minh cụ thể căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, sự cần thiết, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.
-	Thông qua sau khi Hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia được chỉnh lý, hoàn thiện đúng các điều ước quốc tế, đúng quy định pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, không cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; cơ quan chủ trì lập Quy hoạch tiếp thu đầy đủ, chính xác ý kiến của các Thành viên Hội đồng thẩm định để nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch và chịu trách nhiệm về các vấn đề này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
<b>2.6</b>	<b>Bộ Tài chính</b>
-	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát và bổ sung đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định.
-	Đề nghị phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để rà soát tích hợp trong Quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng nguyên tắc xử lý các quy hoạch còn có sự chưa thống nhất để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.
-	Tại văn bản số 7184/BTC-ĐT ngày 25/7/2022, đã đề nghị rà soát, thuyết minh làm rõ cơ sở xác định nhu cầu vốn đầu tư gắn với từng nguồn vốn cụ thể (vốn ngân sách nhà nước, vốn của doanh nghiệp và hộ tư nhân, vốn từ nước ngoài) làm rõ về tính sẵn sàng, khả năng bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ tại Quy hoạch. Tuy nhiên nội dung này chưa được tiếp

STT	Các ý kiến góp ý
	thu, hoàn thiện tại Báo cáo tổng hợp.
-	Quy hoạch đưa ra danh mục gồm 13 chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư đến năm 2030. Tại văn bản số 7184/BTC-ĐT ngày 25/7/2022, đã đề nghị danh mục các dự án ưu tiên cần gắn với phân kỳ đầu tư cụ thể làm căn cứ để bố trí vốn; tuy nhiên tại Bảng tổng hợp giải trình của Bộ TNMT nêu “việc phân kỳ 2021-2025 không có nhiều ý nghĩa” là chưa thuyết phục.
-	Tại văn bản số 148/TB-VPCP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thường trực Chính phủ đã thống nhất điều chỉnh tầm nhìn của Quy hoạch là đến năm 2050. Do đó, đề nghị Bộ TNMT rà soát điều chỉnh lại tầm nhìn của Quy hoạch tại hồ sơ Quy hoạch để đảm bảo thống nhất.
-	Rà soát, xây dựng cơ chế điều phối, phối hợp trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch giữa Bộ TNMT, các Bộ ngành liên quan và các địa phương có biển.
-	Rà soát, đánh giá các cơ chế chính sách hiện hành để đề xuất kiến nghị cụ thể các cơ chế chính sách cần sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện Quy hoạch. Đảm bảo các vấn đề về an ninh, quốc phòng và chủ quyền biển đảo quốc gia
<b>2.7</b>	<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>
	Phát triển các nguồn lực thực hiện quy hoạch trong các vấn đề trọng tâm cần giải quyết (trang 5 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội), đề nghị làm rõ và cụ thể hóa nội dung “phát triển các ngành kinh tế biển mới, nhiều tiềm năng như công nghiệp, công nghệ và khai thác dữ liệu biển” và nội dung này được nêu lại ở Dự án số 8 tại Phụ lục Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia thời kỳ 2021-2030.
<b>2.8</b>	<b>Bộ Công Thương</b>
-	Đề nghị rà soát các nội dung liên quan để đảm bảo tính thống nhất giữa các quy hoạch, đồng thời tránh sự chồng chéo về bố trí không gian, bố trí quỹ đất. Riêng đối với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, đề nghị lưu ý việc rà soát để bố trí không gian biển phù hợp phát triển các dự án điện gió ngoài khơi.
<b>2.9</b>	<b>Bộ Y tế</b>
-	Hồ sơ không thấy kèm theo “bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan”; do đó đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát và bổ sung đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định

STT	Các ý kiến góp ý
-	Bộ Y tế đã có văn bản số 1401/BYT-KH-TC ngày 31/3/2022 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát ý kiến của Bộ Y tế để đưa vào dự thảo Quy hoạch
-	Đề nghị xem xét tích hợp các chủ trương, chính sách tại Quyết định số 658/QĐ-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2030 để hoàn thiện quy hoạch về nội dung củng cố và tăng cường năng lực y tế dự phòng khu vực biển, đảo: “Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích; quản lý chất thải y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu và các sự cố liên quan đến y tế trên khu vực biển, đảo
-	Quy hoạch không gian biển quốc gia liên quan tới nhiều quy hoạch, trong đó có nhiều quy hoạch đã được nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong thời gian vừa qua, vì vậy đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để rà soát tích hợp trong Quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng nguyên tắc xử lý các quy hoạch còn có sự chưa thống nhất để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện
-	Quy hoạch liên quan tới 28 địa phương có biển, liên quan tới nhiều quy hoạch ngành, quy hoạch đại phương vì vậy cần lưu ý: (1) Rà soát, xây dựng cơ chế điều phối, phối hợp trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ ngành liên quan và các địa phương; (2) Rà soát, đánh giá các cơ chế chính sách hiện hành để đề xuất kiến nghị cụ thể các cơ chế chính sách cần sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện Quy hoạch; (3) Đảm bảo các vấn đề về an ninh, quốc phòng và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp đối với các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam
-	Điểm b khoản 2 Điều (dự thảo Nghị quyết của Quốc hội): Đề nghị xem xét sửa cụm từ “Phân bố hợp lý không gian sử dụng biển nhằm đạt được...” thành “Phân bố và sử dụng hợp lý không gian biển nhằm đạt được...”
<b>2.10</b>	<b>Bộ Lao động thương binh và Xã hội</b>
-	Chương II. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và kinh tế xã hội. Tại mục 2.4.2 Xã hội (trang 119): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thông tin về thực trạng một số lĩnh vực an sinh xã hội khác tại 28 tỉnh có biển như: Đời sống, thu nhập của người dân, thực hiện các chính sách giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ các đối tượng yếu thế...

STT	Các ý kiến góp ý
-	<p>Chương III. Thực trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường, không gian biển</p> <p>Phần này đã đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực gắn với không gian biển như Du lịch và dịch vụ (mục 3.1.3, trang 149), Kinh tế hàng hải (mục 1.3.4, trang 154), Dầu khí và các khoáng sản khác (mục 3.1.5, trang 167)... Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thông tin, số liệu về nhu cầu và khả năng đáp ứng của lao động hiện tại cho các ngành, lĩnh vực này; đồng thời dự báo nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề cho các ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, trọng điểm trong thời gian quy hoạch</p>
-	<p>Chương IV. Dự báo các điều kiện tương lai của Quy hoạch không gian biển: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung dự báo về các yếu tố xã hội như dân số, lực lượng lao động của các địa phương có biển, làm cơ sở xây dựng các kịch bản phát triển liên quan đến khai thác, sử dụng không gian biển.</p>
-	<p>Tại mục 9.3.2. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2030: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các dự án hạ tầng xã hội đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng kinh tế để bảo đảm sự phát triển bao trùm và bền vững của các địa phương có biển trong Quy hoạch không gian biển</p>
<b>2.11 Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>	
-	<p>Mục 2.3 về thực trạng khai thác và sử dụng không gian biển (trang 7 tờ trình) về kinh tế hàng hải: “<i>Theo Lloyd (2021) cảng TP Hồ Chí Minh xếp hạng 20, cảng Hải Phòng xếp hạng 31 và cảng Cái Mép xếp hạng 42 trong các cảng biển có lượng hàng thông qua lớn nhất vào năm 2020</i>” và “<i>lượng hàng thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam năm 2022 ước đạt khoảng 730 triệu tấn</i>”. Tuy nhiên, theo số liệu Tổng cục thống kê năm 2021, bảng xếp hạng Lloyd’s List: (1) Cảng biển TP Hồ Chí Minh xếp hạng 22 với sản lượng hàng công ten nơ thông qua năm 2021 là 7,9 triệu Teu, tốc độ tăng trưởng khoảng 1,3% so với năm 2020; (2) Cảng biển Hải Phòng xếp hạng 38 với sản lượng hàng công ten nơ thông qua năm 2021 là 5,69 triệu Teu, tốc độ tăng trưởng khoảng 10,8% so với năm 2020; (3) Cảng Cái Mép xếp hạng 32 với sản lượng hàng công ten nơ thông qua năm 2021 là 5,32 triệu Teu, tốc độ tăng trưởng khoảng 22% so với năm 2020. Đồng thời, tổng lượng hàng thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam năm 2022 đạt 724 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng). Đề nghị cơ quan chủ trì lập Quy hoạch cập nhật.</p>
-	<p>Về Phát triển kết cấu hạ tầng (trang 14 tờ trình) đã nêu khá đầy đủ về phát triển hạ tầng hệ thống cảng biển kết nối đường bộ (đường cao tốc, đường ven biển), gắn liền với quy hoạch tuyến vận tải hàng hải quốc tế, ven biển, kết nối vận tải thủy nội địa...), hạ tầng hệ thống luồng tàu và</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>khu nước, hạ tầng hệ thống bảo đảm an toàn hàng hải...; đầu tư, nâng cấp đồng bộ các tuyến ĐTNĐ chính để vận tải hàng hóa, công ten nơ, hàng hoá chuyên dụng, khối lượng lớn trên các tuyến đường thủy nội địa, tuyến hành lang vận tải thủy ven biển, nhằm tạo điều kiện gom hàng đến các cảng biển quốc gia, cửa ngõ quốc tế; các tuyến đường sắt kết nối trực tiếp với các cảng biển lớn, cảng hàng không quốc tế quan trọng; kết nối đường sắt từ các cảng biển, cảng đường thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm logistics trên các tuyến hành lang vận tải chính với mạng lưới đường sắt quốc gia; hình thành hệ thống cảng hàng không ven biển và tại các đảo, quần đảo có nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.</p> <p>Đề nghị bổ sung trong báo cáo kết cấu hạ tầng hàng hải gồm hệ thống đèn biển (đặc biệt tại các đảo, quần đảo), hệ thống đài thông tin duyên hải của cả nước.</p>
-	<p>Về Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới (trang 17 tờ trình)          “Phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời tại các vùng biển đảo có tiềm năng, đặc biệt tại khu vực Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ”.</p> <p>Theo cam kết của Việt Nam tại COP26 về việc đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, việc phát triển năng lượng tái tạo thay thế năng lượng hóa thạch nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia là cần thiết. Thực tiễn cho thấy, một số dự án điện gió có một phần chồng lấn với các tuyến vận tải ven biển. Do vậy, đề nghị điều chỉnh nội dung nêu trên thành “Phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời tại các vùng biển đảo có tiềm năng, đặc biệt tại khu vực Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ trên cơ sở phát triển hài hòa với các ngành, lĩnh vực có liên quan”.</p>
-	<p>Về hoạt động nhận chìm, lấn biển: Hiện nay, các dự án đầu tư xây dựng luồng, công trình hàng hải và duy tu kết cấu hạ tầng hàng hải nhằm phát triển kinh tế, vận tải hàng hải đều có hoạt động nạo vét. Thực tiễn cho thấy, công tác bố trí bãi đổ chất thải nạo vét, cấp phép, giao khu vực biển để đổ thải nạo vét hiện còn nhiều vướng mắc.</p> <p>Tại Báo cáo tóm tắt (trang 99); tờ trình (trang 19) chưa quy hoạch các bãi đổ thải ven biển, các vùng biển nhận chìm chất thải nạo vét đảm bảo thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, duy tu kết cấu hạ tầng hàng hải được thuận lợi, đáp ứng tiến độ. Do vậy, trường hợp Quy hoạch không gian biển không quy hoạch cụ thể các bãi đổ thải ven biển, các vùng biển nhận chìm chất thải nạo vét, đề nghị bổ sung nội dung Bộ TN&amp;MT, UBND các tỉnh/TP có biên ưu tiên quy hoạch kịp thời vị trí bãi đổ, khu vực biển nhận chìm chất thải nạo vét theo quy định.</p>
-	<p>Về phân vùng không gian biển (trang 20-24 tờ trình):          + Khu vực phía Bắc, Bắc Trung Bộ mới chỉ nêu trung tâm phát triển cảng</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>biên là Hải Phòng, Quảng Ninh. Theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cảng biển Thanh Hóa tiềm năng trở thành cảng cửa ngõ khu vực Bắc Trung Bộ. Do vậy, đề nghị bổ sung trung tâm phát triển cảng tại khu vực Bắc Trung Bộ là Thanh Hóa.</p> <p>+ Khu vực Đông Nam Bộ: “hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ”. Đề nghị bổ sung “Cái Mép Hạ hạ lưu” và sửa thành “hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ và Cái Mép Hạ hạ lưu” để phù hợp với Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Ngoài ra, tại tờ trình chưa có khu vực khuyến khích phát triển cảng (trang 23-24 tờ trình). Đề nghị cập nhật nội dung quy hoạch cảng biển tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và bổ sung trong Quy hoạch.</p> <p>+ Tại Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 31/8/2023, ý kiến chỉ đạo của Thường trực Chính phủ yêu cầu Bộ TN&amp;MT về phương án phân vùng sử dụng biển đảm bảo chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trong đó gồm cả 02 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là rất xác đáng. Tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, phạm vi quy hoạch cảng biển của Việt Nam gồm cả huyện đảo Hoàng Sa (thuộc cảng biển Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc cảng biển Khánh Hòa).</p>
-	Về phạm vi quy hoạch vùng trời: Đề nghị tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thường trực Chính phủ về tính toán đến các cam kết quốc tế và tuân thủ pháp luật hàng không
-	Về huy động nguồn lực đầu tư: Theo Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Chính phủ (trang 2) “cần đưa ra cách thức huy động nguồn lực”. Về huy động vốn đầu tư (trang 27 tờ trình) đã đưa ra giải pháp huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư, đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư là phù hợp với định hướng của Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII.
-	Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm nội dung thể chế hóa các giải pháp để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực. Theo quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch: Sau khi các Quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt, cần trình cấp thẩm quyền ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch. Đề nghị cơ quan chủ trì lập Quy hoạch xây dựng đồng thời Kế hoạch thực hiện để sớm ban hành sau khi Quy hoạch không gian biển được phê

STT	Các ý kiến góp ý
	duyet
<b>2.12</b>	<b>Bộ Thông tin và truyền thông</b>
-	<p>Đề nghị bổ sung thêm một số ý để xử lý rõ ràng hơn vấn đề phát triển hệ thống cáp quang biển và vấn đề phủ sóng vùng biển đảo:</p> <p>+ Hệ thống cáp quang biển sử dụng không gian biển, cụ thể là đáy biển trong vùng biển Việt Nam, vùng đất ven biển cho trạm cáp bờ. Hệ thống cáp quang biển cũng đòi hỏi có hành lang bảo vệ hai bên tuyến cáp quang biển, theo kinh nghiệm quốc tế là khoảng 50m mỗi bên</p> <p>+ Hệ thống cáp quang biển hiện vẫn là một thành tố rất quan trọng của hạ tầng số quốc gia. Truyền dẫn quốc tế thông qua cáp quang biển vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong kết nối quốc tế. Theo dự thảo Quy hoạch hạ tầng thông tin truyền thông thì trong trung hạn Việt Nam sẽ phải phát triển thêm 4-6 tuyến cáp quang biển dung lượng lớn và đa phần sẽ vẫn phải đi qua biển Đông. Hệ thống cáp quang biển qua biển Đông hoạt động an toàn, tin cậy trong mọi tình huống thực sự là cơ sở hạ tầng thiết yếu quốc gia. Do vậy an toàn, an ninh cho hệ thống cáp quang biển có thể nói là một loại an ninh phi truyền thống và cần được đề cập đến trong Quy hoạch này</p> <p>+ Hệ thống thông tin duyên hải, thông tin di động công suất lớn ven biển phục vụ thông tin liên lạc, thông tin phòng chống thiên tai. Có các đài phát sóng, tiếp sóng công suất lớn của VOV, VTV để phục vụ ngư dân bám biển, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam</p>
-	<p>Đề nghị tích hợp vào mục 7.5. Định hướng phát triển kinh tế hàng hải nội dung “Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại các địa phương ven biển, đảo, quần đảo; tăng cường áp dụng công nghệ số, nền tảng số, các thành tựu khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển, kinh tế hàng hải, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và trong đời sống, sinh hoạt của người dân vùng biển; tận dụng thế mạnh kinh tế biển, kinh tế hàng hải để nâng cao chỉ tiêu tỷ trọng kinh tế số trong ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường đạt tối thiểu 10% đến năm 2025 và 20% đến năm 2030</p>
-	<p>Đề nghị tích hợp vào mục 9.1. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch nội dung “Xây dựng hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai quốc gia, bản đồ số quốc gia bao hàm đầy đủ không gian biển”</p>
-	<p>Ý kiến đối với Dự thảo Nghị quyết:</p> <p>Tại Điểm a) Những vấn đề trọng tâm cần giải quyết thuộc Khoản 4 Điều 2, đề nghị thay thế cụm từ “<i>thông tin liên lạc biển</i>” để khái quát thành “<i>hạ tầng thông tin truyền thông biển</i>” nhằm bao quát được cả vấn đề phát triển cáp quang biển quốc tế và các vấn đề phủ sóng di động</p>



STT	Các ý kiến góp ý
	<p>biển đảo, phát thanh truyền hình cho vùng biển đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam.</p> <p>Tại Điều 3. Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời của Việt Nam, đề nghị có định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển của Việt Nam và bổ sung nội dung phát triển hệ thống cáp quang biển dung lượng lớn, đa dạng hướng tuyến, ưu tiên hướng vùng biển Tây Nam bộ; phát triển hạ tầng thông tin di động và hạ tầng phát sóng, tiếp sóng phát thanh truyền hình phủ sóng vùng ven biển</p>
<b>2.13</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>
-	<p>Tại mục II.2.3.2 (trang 97): Bổ sung thêm loại hình thiên tai “gió mạnh trên biển” và đánh giá tác động của bão, gió mạnh trên biển đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động của không gian biển</p>
-	<p>Đề nghị rà soát, lược bỏ toàn bộ nội dung Chương III (Thực trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường, không gian biển). Lý do: có 02 Chương III trùng lặp</p>
-	<p>Tại mục III.3.1 (trang 140): Nghiên cứu bổ sung nội dung về thực trạng sử dụng không gian biển, hành lang bảo vệ bờ biển đối với hoạt động phòng, chống thiên tai, trong đó đánh giá hiện trạng hệ thống công trình đê biển, đê cửa sông, cồn cát làm nhiệm vụ đê biển, cây chắn sóng và đánh giá tác động của việc khai thác sử dụng không gian vùng bờ đến ổn định, an toàn của hệ thống công trình đê biển, đê cửa sông và hành lang bảo vệ đê biển, đê cửa sông</p>
-	<p>Tại mục 3.1.2, Chương III (Thực trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường, không gian biển) trang 146-147</p>
-	<p>Đề nghị cập nhật. thông tin hiện trạng khu bảo tồn biển theo dự thảo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến thời điểm hiện nay (sau khi được hội đồng thẩm định thông qua tháng 7/2023).</p>
-	<p>Đề nghị viết lại đoạn “ Trong số các khu bảo tồn biển đó có 3 khu (Cát Bà, Côn Đảo, Núi Chúa) được quản lý theo tinh thần của Nghị định 117/2010 đối với một Vườn Quốc gia. Về mặt hành chính, các khu bảo tồn biển đang được quản lý bởi nhiều cơ quan thẩm quyền khác nhau. Hai khu bảo tồn biển thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh hoặc thành phố (Cù Lao Chàm, Vịnh Nha Trang); 3 khu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (Hòn Cau, Phú Quốc, Cồn Cỏ) và 5 khu là Vườn Quốc gia có vùng biển đi kèm trực thuộc UBND tỉnh (Núi Chúa, Côn Đảo, Lý Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ) thành: “ Hiện nay, cả nước có</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>06 Ban quản lý KBTB (KBTB Bạch Long Vĩ/Hải Phòng; Côn Cỏ/Quảng Trị; Cù Lao Chàm/Quảng Nam; Lý Sơn/Quảng Ngãi; BQL Vịnh Nha Trang/Khánh Hòa; Hòn Cau/Bình Thuận) và 05 Ban quản lý Vườn quốc gia có quản lý hợp phần biển (VQG Bái Tử Long; Cát Bà; Núi Chúa; Côn Đảo; Phú Quốc). Tất cả các Ban quản lý trên trực thuộc quản lý của địa phương với 03 hình thức tổ chức bộ máy khác nhau: (1) Ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh gồm: 05 VQG: Phú Quốc, Côn Đảo, Núi Chúa, Cát Bà, Bái Tử Long; (2) Ban quản lý trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: 03 KBTB: Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Cau; (3) Ban quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm (03): KBTB Bạch Long Vĩ trực thuộc UBND huyện Bạch Long Vĩ; KBTB Cù Lao Chàm trực thuộc UBND thành phố Hội An; Ban quản lý Vịnh Nha Trang trực thuộc UBND thành phố Nha Trang. Nếu xét về khía cạnh quản lý hành chính, tùy thuộc vào điều kiện riêng mỗi địa phương có cách thức tổ chức quản lý khác nhau phù hợp với tình hình thực tế. Mỗi hình thức tổ chức quản lý đều có những ưu điểm, nhược điểm về hành chính và chuyên môn nhưng nếu xét về khía cạnh chuyên môn sẽ có sự bất cập nhất định trong công tác chỉ đạo điều hành, ví dụ: đối với các BQL trực thuộc UBND cấp huyện, việc chỉ đạo chuyên môn của Sở NNPTNT sẽ thiếu tính kịp thời hơn so với BQL trực thuộc Sở NNPTNT, thẩm quyền và hiệu quả quản lý không cao”</p>
-	<p>Tại mục 3.1.6, Chương III (Khai thác, nuôi trồng thủy sản): đề nghị rà soát, bổ sung, cập nhật các thông tin, dữ liệu, số liệu lĩnh vực thủy sản đến năm 2022, đặc biệt là số liệu sản lượng khai thác thủy sản trên biển; số lượng tàu cá; số lượng cảng cá đã được đầu tư xây dựng đang hoạt động và đã được công bố mở cảng cá; số lượng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đủ điều kiện hoạt động đã được công bố</p>
-	<p>Tại mục 6.1, Chương VI, Phần II (Quan điểm): Đề nghị bổ sung cụm từ “chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu” vào quan điểm thứ 2 và viết lại như sau: “Bảo đảm đồng bộ, thống nhất trên cơ sở tích hợp các quy hoạch có sử dụng biển để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, đảm bảo quốc phòng, an ninh, <i>chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu</i>; dựa trên nền tảng... dưới đáy biển”</p>
-	<p>Tại mục 7.5, Chương VII, phần II (Định hướng đối với vùng biển): Đề nghị bổ sung định hướng về phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu làm cơ sở để đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch, bao gồm:</p> <p>+ Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường biển; cung cấp thông tin dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu kịp</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>thời, đủ độ tin cậy phục vụ phát triển kinh tế biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và trên các đảo.</p> <p>+ Quản lý tàu thuyền, các hoạt động kinh tế trên biển: nâng cao mức độ an toàn và bảo đảm thông tin cho tàu, thuyền hoạt động trên biển, nhất là các tàu đánh bắt xa bờ. Hướng dẫn đảm bảo an toàn thiên tai đối với các khu vực nuôi trồng hải sản, các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản và các hoạt động du lịch trên biển và hải đảo.</p> <p>+ Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn trên biển.</p> <p>+ Xây dựng, củng cố cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai: xây dựng khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão kết hợp dịch vụ hậu cần nghề cá, cơ sở hạ tầng, công trình phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên các đảo. Củng cố nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc, truyền tin thiên tai đến tàu thuyền và người dân hoạt động trên biển, đảo.</p>
-	<p>Tại mục 7.5.5, Chương VII (Định hướng khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản): đề nghị rà soát, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển các lĩnh vực khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản theo Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (<i>Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ</i>); Chương trình quốc gia về phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030 (<i>Quyết định số 1090/QĐ-TTg ngày 19/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ</i>).</p>
-	<p>Tại Dự thảo Nghị quyết về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, để phù hợp với Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị xem xét, rà soát bổ sung tại Mục 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết:</p> <p>i) “Tiếp tục xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm nuôi biển, gắn với Trung tâm nghề cá lớn Hải Phòng được đồng bộ trong hệ thống các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá hoạt động trong ngư trường Vịnh Bắc Bộ”</p> <p>ii) “Phát triển cảng biển trung chuyển quốc tế, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ đảm bảo an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí; phát triển du lịch biển quốc tế; phát triển khai thác, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và Trung tâm nghề cá lớn Bà Rịa - Vũng Tàu”;</p> <p>iii) “Phát triển công nghiệp dầu khí, điện khí, năng lượng tái tạo; phát triển khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với Trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang.”</p>
-	<p>Đề nghị rà soát để thống nhất các nội dung trong toàn bộ các văn bản của hồ sơ Quy hoạch, bao gồm: Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết</p>

STT	Các ý kiến góp ý
<b>III</b>	<b>CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ BIỂN</b>
<b>3.1</b>	<b>UBND tỉnh Quảng Ninh</b>
-	<p>Thông nhất tầm nhìn của quy hoạch đến năm 2050 hay đến năm 2045, tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24/7/2020 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch, văn bản số 7184/BTNMT-BHĐVN ngày 28/8/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến thẩm định hồ sơ Quy hoạch thì thể hiện tầm nhìn của quy hoạch đến năm 2045, tuy nhiên, trong báo cáo thuyết minh thể hiện tầm nhìn của quy hoạch là đến năm 2050.</p>
-	<p>Rà soát phương án phát triển trong quy hoạch. đảm bảo có sự thống nhất giữa quan điểm, mục tiêu phát triển, phân bổ không gian phát triển và giải pháp thực hiện có tính tổng thể, đề xuất được các định hướng chính phục vụ cho công tác quản lý sau khi triển khai quy hoạch được phê duyệt.</p>
-	<p>Bổ sung thêm các quyết định phê duyệt một số ngành quốc gia có liên quan, các điều ước, thỏa thuận quốc tế đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các hiệp ước, thỏa thuận phân định biển giữa Việt Nam với các nước.</p>
-	<p>Bổ sung định vị kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh trong Quy hoạch không gian biển quốc gia:</p> <p>(1) Quảng Ninh trở thành một trung tâm kinh tế biển bền vững của cả nước trên cơ sở phát triển du lịch - dịch vụ kết nối khu vực và quốc tế, đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển nước sâu, các âu tàu du lịch đẳng cấp quốc tế gắn với phát triển kinh tế chuỗi khu kinh tế, khu đô thị biển - ven biển cận kề và là một trong những trung tâm logistics trọng điểm của cả nước. Đồng thời xây dựng Quảng Ninh thành một trong những cửa ngõ trung chuyển hướng biển của khu vực; tăng khả năng liên kết không gian kinh tế ven bờ, biển và đảo, tạo động lực phát triển cho vùng Đông Bắc và cả nước.</p> <p>(2) Phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản ven biển và trên biển (nuôi biển) công nghệ cao, hiệu quả và bền vững, khuyến khích nuôi các đối tượng làm được liệu biển và thực phẩm dinh dưỡng từ sản phẩm biển; ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch,... để tạo giá trị gia tăng của sản phẩm biển, góp phần tiết kiệm tài nguyên biển.</p> <p>(3) Ưu tiên xây dựng đồng bộ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đa mục tiêu, nhằm bảo đảm "lợi ích kép" trong phát triển. Chuyển dần sang phát triển mạnh năng lượng tái tạo. Tổ chức lại không gian phát triển kinh tế biển dựa vào hệ sinh thái và theo chức năng sử dụng biển, đảo và vùng</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	ven biển.
-	<p>Kết quả phân vùng sử dụng (mục 8 23) - Tại điểm a, nội dung 8.2.3.1. Đối với vùng đất ven biển phía Bắc: bổ sung “Phát triển Hải Phòng - Quảng Ninh .... với trung tâm là khu cảng Lạch Huyện - Đình Vũ (Hải Phòng) - Yên Hưng - Cái Lân - Cẩm Phả (Quảng Ninh)..” thành “Phát triển Hải Phòng - Quảng Ninh với trung tâm là khu cảng Lạch Huyện - Đình Vũ (Hải Phòng) - Yên Hưng - Cái Lân - Cẩm Phả - Hòn Nét - Con Ông - Hải Hà (Quảng Ninh).</p>
-	<p>Bổ sung Quảng Ninh là trung tâm sản xuất điện hàng đầu của Việt Nam, từng bước dịch chuyển sang nguồn năng lượng khí thiên nhiên hóa lỏng LNG và điện tái tạo (gió); Khu kinh tế ven biển Quảng Yên: trọng tâm là phát triển cảng biển quy mô lớn, dịch vụ và hậu cần cảng, dịch vụ logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sinh học; Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái: Là một trong những trung tâm du lịch, trung tâm thương mại, dịch vụ tài chính trọng điểm của tỉnh và cả nước.</p>
-	<p>Đối với các đảo nhỏ chỉ nên khuyến khích đưa dân ra các đảo ít người hoặc chưa có người sinh sống, mà không nên tăng cường đưa dân ra các đảo này. Vì nhiệm vụ quan trọng của các đảo này là tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh để canh giữ và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.</p>
-	<p>Về tiêu chí phân vùng sử dụng biển cần làm rõ các hoạt động cấm, hạn chế và được phép hoạt động tại các vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, vùng bảo vệ đặc biệt.</p>
-	<p>Về thứ tự ưu tiên đối với các hoạt động phát triển kinh tế biển thì hoạt động Khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản biển khác vào nhóm hoạt động có thứ tự ưu tiên sau cùng.</p>
-	<p>Kết quả phân vùng sử dụng vùng biển phía Bắc: trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bổ sung vùng ưu tiên bảo vệ, bảo tồn sinh thái, sinh cảnh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khu vực di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, thành phố Hạ Long; Vườn Quốc gia Bái Tử Long, huyện Vân Đồn; Khu bảo tồn biển đảo Trần – Cô Tô, huyện Cô Tô; khu bảo tồn đất ngập nước Đông Rui – Tiên Yên, đất ngập nước cửa sông Tiên Yên.</li> <li>+ Các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản: 8 khu bảo vệ nguồn lợi Sá Sùng tại Thị trấn Cô Tô, Xã Thanh Lân (huyện Cô Tô), Xã Đại Bình, Xã Tân Bình (huyện Đầm Hà), Xã Quảng Minh (huyện Hải Hà), Phường Vạn Ninh (thành phố Móng Cái), Xã Minh Châu, Xã Quan Lạn (huyện Vân Đồn); 6 khu bảo vệ nguồn lợi Ngán tại Xã Đài Xuyên (huyện Vân Đồn), Xã Đông Hải, Xã Đông Rui, Xã Tiên Lãng, Xã Đông Ngũ (huyện</li> </ul>

STT	Các ý kiến góp ý
	<p>Tiên Yên), và Xã Hoàng Tân (thị xã Quảng Yên).</p> <p>+ Các vùng cho mục đích phát triển các ngành kinh tế biển, gồm phát triển du lịch, cảng biển, nuôi trồng hải sản, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, khai thác khoáng sản biển, khu công nghiệp, KKT ven biển đã được thể hiện trong hồ sơ quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <p>Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch.</p>
-	<p>Về cơ chế chính sách quản lý không gian biển; Bổ sung việc xây dựng các quy định về lấn biển; phân cấp, phân quyền triệt để cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong giao khu vực biển, đặc biệt trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản cho đối tượng người dân ở các khu vực biển nằm ngoài vùng biển 6 hải lý; Điều chỉnh, bổ sung đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý, đường ranh giới ngoài vùng biển 06 hải lý cho đất liền và các đảo; Xây dựng và ban hành bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia về biển để làm cơ sở các cấp tính toán mức đóng góp kinh tế thuần biển trong GDP (Theo Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về phát triển bền vững kinh tế biển thì mục tiêu đến năm 2030, các ngành kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước).</p>
-	<p>Về các đơn vị hành chính cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh: Theo Nghị quyết 837/NQ-UVBTQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh, theo đó toàn bộ huyện Hoành Bồ được sáp nhập vào thành phố Hạ Long; xã Phú Hải, xã Quảng Trung, xã Quảng Điền vào thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà; xã Quảng Thắng sáp nhập với xã Quảng Minh, huyện Hải Hà; xã Tiến Tới vào xã Đường Hoa, huyện Hải Hà; xã Quảng Lợi vào xã Quảng Tân, huyện Cẩm Hà; xã Đại Thành vào xã Đại Dục, huyện Tiên Yên.</p>
<b>3.2 UBND thành phố Hải Phòng</b>	
a	Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch
-	<p>Tại dòng 17-19 từ trên xuống trang 146: đề nghị rà soát lại thông tin “Đến năm 2018, 10/16 KBTB trong quy hoạch đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND các tỉnh thành lập, bao gồm các KBTB Cát Bà, Bạch Long Vĩ,.....” do hiện tại, Hải Phòng mới chỉ có 01 Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ đã được thành lập theo Quyết định số 2630/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Khu bảo tồn biển Cát Bà chưa được thành lập. Đề thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà hiện đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thẩm định và phê duyệt.</p>

STT	Các ý kiến góp ý
-	Tại đoạn thứ nhất trang 147: Đề nghị rà soát và chỉnh sửa lại thông tin về Khu bảo tồn biển Cát Bà (hiện chưa có Quyết định thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà mà chỉ có một phần diện tích biển thuộc ranh giới Vườn Quốc gia Cát Bà quản lý).
-	Tại dòng 2-8 (trang 155): Bổ sung quyết định số 804/QĐ-TTg ngày 08/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố danh mục cảng biển Việt Nam (gồm 34 cảng biển).
-	Tại dòng 9-18 từ trên xuống trang 155: Quyết định 508/QĐ-BGTVT ngày 02/4/2021 của Bộ Giao thông vận tải đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 502/QĐ-BGTVT ngày 20/4/2022 của Bộ Giao thông vận tải. Đề nghị chỉnh sửa và cập nhật số lượng các bến cảng theo Quyết định số 502/QĐ-BGTVT đang còn hiệu lực (gồm 296 bến cảng).
-	Tại trang 155, đề cập Cảng Lạch Huyện được quy hoạch công bố là cảng đặc biệt, đề nghị sửa lại thành “Cảng biển Hải Phòng”.
-	Đối với mục 3.1.11. Lấn biển, nhận chìm ở biển: Đề nghị bổ sung liệt kê Giấy phép nhận chìm do Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp cho Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc được nhận chìm chất nạo vét luồng hàng hải Hải Phòng trong năm 2022.
-	Tại mục 4.2.1.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (đoạn thứ ba trang 284): Đề nghị chỉnh sửa thành như sau: “b) Cấp địa phương: bộ máy được tổ chức từ UBND cấp tỉnh - Sở TN&MT - Phòng TN&MT. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật....”
-	Chương 6 Báo cáo tổng hợp: Nội dung chương này chưa xác định được lộ trình và các mốc thời gian để đạt các mục tiêu cụ thể do vậy sẽ khó khăn trong việc xác định tiến độ triển khai quy hoạch trong thực tế cũng như khó khăn cho công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện quy hoạch trong tương lai.
-	Tại mục 7.5.2. Định hướng phát triển kinh tế hàng hải (trang 324): Tổng nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch đến 2030 là 33.586 ha; Tổng nhu cầu sử dụng mặt nước phát triển hệ thống cảng biển theo quy hoạch đến 2030 khoảng 605.781 ha (nhu cầu sử dụng đất và mặt nước chưa bao gồm nhu cầu của hệ thống cảng cạn). Tuy nhiên, tại các Bảng 37 (trang 165), Bảng 64 (trang 229), Bảng 85 (trang 325), số liệu tổng hợp tổng nhu cầu sử dụng mặt đất, mặt nước không phù hợp với số liệu nêu trên. Đề nghị cơ quan chủ trì lập quy hoạch liên hệ với Bộ Giao thông vận tải để cập nhật thông số quy hoạch vùng đất, vùng nước của từng cảng biển theo Hồ sơ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-

STT	Các ý kiến góp ý
	2030, tầm nhìn đến năm 2050.
-	Tại mục 7.5.4. Định hướng khai thác dầu, khí và các khoáng sản biển khác (trang 332): đề nghị bổ sung thêm thông tin định hướng khai thác khoáng sản cát tại các vùng ven biển để phục vụ nhu cầu vật liệu xây dựng và san lấp ngày càng lớn trong cả nước
-	Tại mục 7.5.6. Định hướng phát triển du lịch biển, đảo (trang 339): Đề nghị sung bản đồ quy hoạch không gian biển định hướng phát triển du lịch biển, đảo.
-	Chương 8 Báo cáo tổng hợp: Thống nhất thể hiện đầy đủ địa giới hành chính các tỉnh, thành phố trong cả nước, các huyện giáp biển (thể hiện đầy đủ ký hiệu, tên các huyện) trên bản đồ.
-	Tại Bảng 91. Các vùng chức năng biển Việt Nam (trang 362): Bổ sung số liệu diện tích cho vùng có tiềm năng, lợi thế cho phát triển du lịch biển, đảo.
-	Tại Hình 74. Các vùng sử dụng trong Vùng biển phía Bắc (từ Quảng Ninh đến Ninh Bình) (trang 385): Đề nghị bổ sung khu vực lấn biển các dự án đã được xác định trong Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng được chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 như Dự án cảng Nam Đồ Sơn tổng diện tích 3000ha (diện tích lấn biển 2900ha), Sân bay Tiên Lãng,...
-	Các nội dung đề nghị bổ sung vào Hình 74 cần được bổ sung, cập nhật vào Hình 79. Kết quả phân vùng sử dụng biển Việt Nam (trang 392).
-	Chương 9 Báo cáo tổng hợp: Tại Bảng 97. Danh sách các Chương trình, dự án ưu tiên giai đoạn đến năm 2030 (trang 410): Đề thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đề nghị bổ sung chương trình/dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về không gian biển.
b	Đối với Báo cáo đánh giá Môi trường chiến lược của Quy hoạch
-	Rà soát, cập nhật lại các văn bản pháp lý đã hết hiệu lực, cụ thể: Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã được thay thế bằng Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, có hiệu lực từ ngày 22/8/2022.



STT	Các ý kiến góp ý
-	Rà soát, thực hiện các nội dung đánh giá môi trường chiến lược theo mẫu quy định tại mục 01b Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
-	Báo cáo đánh giá Môi trường chiến lược: Liệt kê các nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường.
-	Làm rõ hiện trạng từng thành phần môi trường (đất, nước, không khí, sinh vật...) có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch tại thời điểm thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược.
-	Rà soát, điều chỉnh lại thông tin về Khu bảo tồn biển (trang 91): trên địa bàn thành phố Hải Phòng hiện chỉ có 01 Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ đã được thành lập theo Quyết định số 2630/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Khu bảo tồn biển Cát Bà chưa được thành lập, Đề án thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà hiện đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thẩm định và phê duyệt.
-	Mô tả đặc điểm tự nhiên của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Trong đó, bổ sung: Danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà (huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng) được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
-	Mô tả khái quát về các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý hiếm; loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; loài được ghi nhận trong sách đỏ Việt Nam phân bố trong vùng, khu vực bị ảnh hưởng bởi Quy hoạch.
-	Tại Bảng 2.12. Lượng khách du lịch một số đô thị ven biển giai đoạn 2015 - 2019 (trang 102): đề nghị sửa lại số liệu khách đối với thành phố Hải Phòng qua các năm: Năm 2015 đón 5.690.000 lượt khách; Năm 2016 đón 5.964.000 lượt khách; Năm 2017 đón 6.707.000 lượt khách; Năm 2018 đón 7.799.750 lượt khách; Năm 2019 đón 9.078.210 lượt khách.
c	Đối với dự thảo nghị quyết Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050
-	Đề nghị bổ sung Phụ lục 3. Sơ đồ vùng sử dụng biển.
-	Điểm a khoản 1 Điều 4 đề nghị xem xét, điều chỉnh thành:
+	“Phát triển Hải Phòng - Quảng Ninh thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Đông Nam Á với trung tâm là khu cảng Lạch Huyện - Đình Vũ (Hải Phòng) - Yên Hưng - Cái Lân - Cẩm Phả (Quảng Ninh) và vùng du lịch Đồ Sơn - Cát Bà - Vịnh Hạ Long - Bái Tử Long - Vân Đồn trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, du lịch di sản

STT	Các ý kiến góp ý
	thiên nhiên biển đảo có tầm quốc tế. Tiếp tục duy trì vị trí quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Hải Phòng tại huyện Tiên Lãng (Hải Phòng) và Khu thương mại tự do tại Hải Phòng.
+	Phát triển nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản ứng dụng công nghệ hiện đại gắn với tăng cường bảo vệ, tái tạo nguồn lợi, với xây dựng, phát triển thương hiệu và với Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc tại Hải Phòng; Phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tăng cường liên kết vùng trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo tồn, bảo vệ đa dạng sinh học, đặc biệt trong các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia và vùng cửa sông.
+	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; phát triển Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học – công nghệ biển của cả nước”.
+	Phụ lục 1 nêu Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia thời kỳ 2021-2030. Để thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đề nghị bổ sung chương trình/dự án xây dựng cơ sở dữ liệu số về không gian biển.
d	Đối với Báo cáo tóm tắt: Cập nhật các nội dung đề nghị chỉnh sửa, bổ sung tại Báo cáo tổng hợp (nếu có).
đ	Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch (nếu có)
-	Đề nghị rà soát lại lỗi chế bản trong toàn bộ hồ sơ Quy hoạch (một số nội dung bị gạch bỏ nhưng vẫn chưa xóa trong báo cáo tổng hợp, ví dụ 02 dòng đầu trang 49, dòng thứ 2-3 từ dưới lên trang 55...).
-	Nội dung Chương III bị lặp lại (trang 204-267), đề nghị lược bỏ phần trùng lặp.
-	Sau trang số 355 (trang 372 theo số thứ tự trong file), báo cáo tổng hợp không đánh số trang nên rất khó theo dõi, đối chiếu các thông tin, đề nghị bổ sung đánh số trang đối với phần này.
<b>3.3</b>	<b>UBND thành phố Đà Nẵng</b>
a	Dự thảo tờ trình của bộ TNMT:
-	Trang 13-14: Nội dung đột phá thứ 1 và thứ 3 tương đồng nhau (liên quan đến khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên biển gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải các-bon thấp); đồng thời các nội dung đột phá chưa thể hiện giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác điều tra tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, hình thành cơ sở dữ liệu mang tính liên kết, đa ngành; tăng cường nghiên

STT	Các ý kiến góp ý
	cứu khoa học biển, đào tạo nguồn nhân lực biển, hợp tác quốc tế (được xem là nội dung vấn đề trọng tâm cần phải giải quyết (mục 5.1 trang 13).
-	Trang 19: mục 6.5 có nêu “Khuyến khích lấn biển tại một số khu vực... nhưng không làm suy thoái, không làm suy giảm các tài nguyên thiên nhiên, tính đa dạng sinh học, các hệ sinh thái, giữ gìn được các giá trị, bản sắc văn hóa lịch sử trên các vùng đất ven biển”: Nội dung này quá chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng, và khó thực hiện trong thực tế, đề nghị xem xét làm rõ thêm (theo phân loại dự án theo Luật Bảo vệ môi trường thì một trong những tiêu chí môi trường để phân loại là dự án đầu tư có hoạt động nhận chìm ở biển, tức dự án có khả năng gây tác động đến môi trường)
-	Đối với việc phân vùng sử dụng biển (trang 23-25): Làm rõ sự khác nhau giữa Vùng cấm khai thác (cho mục đích bảo tồn biển) và Khu vực cần bảo vệ đặc biệt (cho cùng mục đích như trên); đồng thời làm rõ đối với việc phân vùng thì nên sử dụng thống nhất từ ngữ là “vùng” hay “khu vực”.
-	Về Sơ đồ các vùng sử dụng biển: quá nhỏ, ko thể đọc được thông tin trên Sơ đồ, đặc biệt là các phân vùng sử dụng biển đang quy hoạch. Một số nguồn số liệu sử dụng để dự báo đã cũ (Ví dụ: số liệu về dòng - thương mại dầu khí chính qua Biển Đông năm 2016, nguồn EIA 2018, chương V trang 295).
b	Về báo cáo đánh giá chiến lược môi trường
-	Cần rà soát và phân tích mối quan hệ của Quy hoạch với các chiến lược, quy hoạch có liên quan trong bối cảnh Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 15/10/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội. Bổ sung nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu. Nêu rõ những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình quy hoạch
c	Nhận xét cụ thể về nội dung quy hoạch:
-	Theo Luật Quy hoạch: Thời kỳ quy hoạch của các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch cấp quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm (Điều 8, như vậy tầm nhìn Quy hoạch không gian biển quốc gia đến 2045 là chưa phù hợp với Luật Quy hoạch

STT	Các ý kiến góp ý
-	<p>Nhận xét đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo chức năng quản lý nhà nước:</p> <p>Đối với việc quy hoạch vùng biển khu vực bán đảo Sơn Trà vào khu bảo tồn biển:</p> <p>+ Theo định hướng bảo tồn đa dạng sinh học tại báo cáo Quy hoạch: vùng biển bán đảo Sơn Trà là 01 trong 27 khu vực được định hướng thành lập khu bảo tồn (bảng 82 trang 319); các rạn san hô khu vực bán đảo Sơn Trà được đưa vào định hướng bảo vệ, phục hồi các sinh cảnh, hệ sinh thái (bảng 83, trang 320).</p> <p>+ Tại phần tiếp thu giải trình, liên quan đến quy hoạch khu bảo tồn, ý kiến của một số địa phương như tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Bình Định có ý kiến tương tự như UBND thành phố Đà Nẵng về việc không đưa khu vực đảo Hòn Mê, Văn Phong vào khu bảo tồn, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho rằng quy hoạch các khu bảo tồn biển thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được tích hợp vào quy hoạch không gian biển, đề nghị các địa phương có văn bản đề xuất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>+ Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch không gian biển quốc gia là quy hoạch cao hơn quy hoạch khu bảo tồn (quy hoạch ngành quốc gia), trong trường hợp quy hoạch khu bảo tồn không phù hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thì quy hoạch khu bảo tồn phải điều chỉnh cho phù hợp. Việc đưa khu vực biển Bán đảo Sơn Trà vào quy hoạch khu bảo tồn biển không có nhiều ý nghĩa thực tế về mặt bảo tồn sinh vật biển, bảo tồn hệ sinh thái mà ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội vùng ven biển Thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét không đưa khu vực biển Bán đảo Sơn Trà vào quy hoạch khu bảo tồn biển</p>
-	<p>Đối với quy hoạch cảng Liên Chiểu:</p> <p>+ Tại mục định hướng phát triển kinh tế hàng hải (bảng 85, trang 335), các cảng tại thành phố Đà Nẵng thuộc nhóm 3 với 380ha đất và 13.943 ha vùng nước. Tuy nhiên, tại phụ lục 1 phần giải trình, tiếp thu ý kiến, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho rằng dự thảo Quy hoạch không gian biển không bao gồm quy hoạch cảng biển, quy hoạch cảng biển được thực hiện tại Quy hoạch cảng biển Việt Nam.</p> <p>+ Theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tổng thể phát triển cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, trong đó có quy hoạch Cảng Liên Chiểu trở thành Cảng quốc tế và sẽ thay đổi mục đích sử dụng Cảng Tiên Sa thành Cảng du lịch và hình thành một số cảng cạn,... Hiện nay, Cảng Liên Chiểu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư Xây dựng Bến cảng Liên Chiểu - Phần cơ sở hạ tầng dùng chung với tổng</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	kinh phí trên 3.400 tỷ đồng và hiện nay đang triển khai thực hiện các hạng mục công trình. Vì vậy, kính đề nghị Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xem xét nhằm đảm bảo vùng biển khu vực Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng là khu vực ưu tiên phát triển Cảng biển
-	<p>Đối với quy hoạch, phân vùng sử dụng Quần đảo Hoàng sa:</p> <p>+ Tại mục định hướng phát triển các đảo (tại mục 7.4 trang 318) đối với Quần đảo Hoàng Sa, đề nghị bỏ nội dung “Tiếp tục khẳng định chủ quyền Hoàng Sa bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, thỏa thuận cấp cao giữa hai nước” vì nội dung này không phù hợp với nội dung quy hoạch.</p> <p>+ Nghiên cứu, xem xét quy hoạch Quần đảo Hoàng Sa ưu tiên cho hoạt động nghề cá</p>
-	<p>Cần bổ sung nội dung hướng dẫn quy hoạch phân vùng sử dụng không gian biển đối với các vùng biển, vùng đất ven biển chưa được xác định rõ ranh giới giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>+ Hiện nay, việc xác định ranh giới trên biển cũng như trên đất liền một số tỉnh, thành phố chưa được thống nhất điều này khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường nói chung và tài nguyên biển nói riêng, điều này dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, quy hoạch không gian biển của các tỉnh, cụ thể như Khu vực Hòn Sơn Trà Con là khu vực chưa xác định ranh giới trên biển giữa Thành phố Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế. Vì vậy cần có giải pháp để đảm bảo tính pháp lý cũng như xác định ranh giới trong quá trình quy hoạch sử dụng không gian biển</p>
-	<p>Quy hoạch đã đưa ra bản đồ phân vùng chức năng và phân vùng sử dụng biển. Tuy nhiên tỉ lệ bản đồ quá nhỏ (1/1.000.000), không bao gồm các thông tin thuộc tính của vùng như phạm vi, diện tích, tọa độ, thuộc đơn vị hành chính nào,... Vì vậy, rất khó để theo dõi và cho ý kiến đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét bổ sung các thông tin thuộc tính của các vùng</p>
-	<p>Đề nghị sử dụng tên thống nhất trong phân vùng chức năng và phân vùng sử dụng của vùng biển ven bờ. Quy hoạch cơ bản phân vùng biển ven bờ của Việt Nam thành 04 vùng gồm: Phía Bắc, Bắc trung bộ và duyên hải miền trung, Đông Nam bộ và Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, tại mục 7.5.5.3 trang 336 của báo cáo tổng hợp về tổ chức không gian ven biển cho phát triển thủy sản lại sử dụng “vùng ven biển và vùng biển khu vực Đồng bằng sông Hồng”, “vùng ven biển và vùng biển khu vực Đồng bằng sông Cửu Long</p>
-	<p>Việc khai thác thủy hải sản phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên tại mỗi ng trường để hướng đến phát triển bền vững. Do đó, cần thiết phải</p>

STT	Các ý kiến góp ý
	có quy hoạch phân vùng nuôi trồng, khai thác thủy hải sản theo không gian, thời gian phù hợp với vị trí, đặc điểm, tập quán sinh sống, sinh sản của mỗi loài thủy hải sản tại từng ngư trường nhằm hạn chế tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn lợi thủy hải sản và chủ động hơn trong khai thác thủy hải sản
-	Mục 2.3.1. Môi trường biển: Phần “Kết quả quan trắc tại 10 Cảng biển”: Đề nghị bỏ nội dung kết quả quan trắc tại Âu thuyền Thọ Quang (Lý do: Âu thuyền Thọ Quang không phải là Cảng biển tại Đà Nẵng, đây là nơi neo đậu, tránh trú bão cho các tàu thuyền) và bổ sung kết quả quan trắc tại Cảng biển Đà Nẵng, Cảng Tiên Sa
-	Mục 3.1.2. Chương III: đề nghị nghiên cứu, bổ sung số liệu về Kết quả đạt được cuối kỳ Chiến lược quốc gia về Đa dạng sinh học đến 2020, tầm nhìn đến 2030 theo Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 tại Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ được đặt ra đối với diện tích thảm cỏ biển được duy trì, diện tích rạn san hô được duy trì, diện tích hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái được phục hồi, vườn di sản ASEAN. làm cơ sở đề xuất các định hướng trong Quy hoạch này
-	Dự thảo đã được chỉnh sửa nhiều lần chuẩn bị hồ sơ trình Chính phủ nhưng còn rất nhiều lỗi biên tập như: số các bảng biểu không đúng với phần thuyết minh, một số phần không đánh số trang, có 02 chương III cùng 01 nội dung và đặt biệt có sự nhầm lẫn quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi, đảo Lý Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam (trang 110). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, chỉnh sửa
<b>3.4</b>	<b>UBND tỉnh Khánh Hòa</b>
-	Đề nghị rà soát lại thời kỳ quy hoạch cho phù hợp với quy định 2045 hay 2050
-	Đề nghị chỉnh sửa các lỗi chính tả, câu văn ngắn gọn, súc tích và thể hiện đúng văn phong hành chính, cần thống nhất việc đánh số thứ tự nội dung tiêu đề trong bản dự thảo, đề nghị đánh số trang vào dự thảo, đánh số danh mục bảng cho phù hợp với số bảng trong nội dung dự thảo
-	Đối với dự thảo Tờ trình: Đề nghị bổ sung giải trình xin ý kiến Chính phủ về việc thống nhất thời kỳ quy hoạch không gian biển quốc gia phù hợp với Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017
-	Đối với hệ thống bản đồ của Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045: Hệ thống bản đồ đính kèm là bản đồ giấy, khổ A3, các dữ liệu thể hiện trên bản đồ không rõ, vì vậy không đủ cơ sở để tham gia góp ý về các lĩnh vực quản lý
-	Đối với bản đồ Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội trong phạm

STT	Các ý kiến góp ý
	vi không gian biển: Chú thích “Vùng du lịch trọng điểm Văn Phong - Đại Lãnh - Nha Trang” điều “Văn Phong” thành “ Vân Phong”.
-	Đối với bản đồ Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên vùng đất ven biển và các đảo: Khu vực huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa: đề nghị bổ sung ký hiệu Quy hoạch sân bay (theo Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch, đầu tư xây dựng Cảng hàng không Vân Phong tại khu vực xã Vạn Thắng với quy mô sử dụng đất dự trữ (lân biển) khoảng 500 ha.)
-	Đối với bản đồ Định hướng tổ chức không gian biển quốc gia: Khu vực vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa: theo Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: không quy hoạch định hướng khu bảo tồn biển 2021-2030 tại Khu kinh tế Vân Phong
-	Đối với nội dung trong Báo cáo tóm tắt Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại bảng 4 – Các vùng sử dụng khu vực biển: chỉ đưa ra diện tích các vùng sử dụng biển tại các khu vực không nêu cụ thể diện tích các vùng sử dụng khu vực biển tại các tỉnh cụ thể, vì vậy không có cơ sở để định hướng rõ các vùng sử dụng không gian biển tại tỉnh Khánh Hòa
-	Đối với nội dung trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại nội dung “các điểm du lịch quan trọng của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung: chỉnh sửa “vịnh Văn Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh (Khánh Hoà)” thành “vịnh Vân Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh (Khánh Hoà)”; bỏ điểm du lịch suối Tiên (Khánh Hòa) vì đây không thuộc vùng đất ven biển theo như phạm vi quy hoạch đã nêu
-	Bổ sung ký hiệu viết tắt của cụm từ “DHTB - Duyên hải Trung bộ” được sử dụng nhiều nhưng chưa có ký hiệu viết tắt
-	Đối với Khu bảo tồn biển Vịnh Vân Phong (hình 42 trang 211, hình 34 trang 148): theo Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: không quy hoạch khu bảo tồn biển 2021- 2030 tại Khu kinh tế Vân Phong.
-	Về số liệu phân loại đô thị năm 2020 tại Bảng PL3.1, Phụ lục 3 của Báo cáo: Đề nghị rà soát thông tin đối với loại đô thị huyện Vạn Ninh và huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa vì hiện nay chưa có Quyết định phê

STT	Các ý kiến góp ý
	duyet phân loại đô thị của cấp có thẩm quyền đối với 02 huyện này
-	Tại phụ lục 4, danh mục các vùng sử dụng biển Việt Nam chỉ nêu tên các loại vùng, diện tích nhưng không nêu rõ các vùng này thuộc tỉnh nào, vì vậy không có cơ sở để ý kiến về việc phân vùng khu vực sử dụng biển tại tỉnh Khánh Hòa. Đề nghị nêu rõ định hướng danh mục các vùng sử dụng không gian biển tại các khu vực, các tỉnh để các tỉnh có phương hướng triển khai cho phù hợp với quy định của Quy hoạch
<b>3.5</b>	<b>UBND tỉnh Kiên Giang</b>
-	Nếu Quy hoạch xác định diện tích Khu bảo tồn biển Phú Quốc là 40.909 ha thì Khu bảo tồn này phải có đủ các phân khu như Điều 10 Mục 3 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ - hành chính và vùng đệm
-	Đối với các vùng khuyến khích phát triển, đề nghị bổ sung vùng ưu tiên khai thác khoáng sản và vùng ưu tiên nuôi trồng thủy sản
-	Do điều kiện tự nhiên đặc thù và yêu cầu phát triển kinh tế biển của tỉnh, đề nghị bổ sung vùng ưu tiên cho hoạt động lấn biển
-	Đề nghị đưa vào phương hướng, định hướng của Quy hoạch nội dung “Phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia”
-	Đề nghị sắp xếp, có buổi làm việc với tỉnh Kiên Giang để thống nhất nội dung, phân vùng chức năng biển của tỉnh